

Tài liệu Hướng dẫn sử dụng VIETSTOCKFINANCE



DỮ LIỆU TÀI CHÍNH

CÔNG CỤ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

1. Giới thiệu chung	4
1.1. Giới thiệu VietstockFinance	4
1.2. Đăng nhập hệ thống	5
1.3. Nâng cấp tài khoản	5
1.4. Bố trí ứng dụng	6
1.5. Liên hệ, giải đáp thắc mắc	7
2. Tính năng	7
2.1. Vĩ mô	7
2.1.1. Dữ liệu vĩ mô	7
2.1.2. Dữ liệu GDP	8
2.1.3. Dữ liệu CPI	8
2.1.4. Dữ liệu IIP	9
2.1.5. Dữ liệu bán lẻ	9
2.1.6. Dữ liệu xuất nhập khẩu	10
2.1.7. Dữ liệu FDI	10
2.1.8. Dữ liệu tín dụng	11
2.1.9. Dữ liệu thị trường mở	11
2.1.10. Dữ liệu tỷ giá - lãi suất	12
2.1.11. Dữ liệu dân số và lao động	12
2.2. Ngành	13
2.2.1. Dữ liệu ngành	13
2.2.2. Ngành chi tiết	13
2.3. Doanh nghiệp	14
2.3.1. Doanh nghiệp A-Z	14
2.3.2. Hồ sơ lãnh đạo	15
2.3.3. Lịch sự kiện	15
2.3.4. Cập nhật lãi lỗ	16
2.3.5. Giao dịch nội bộ	16
2.3.6. Tài liệu cổ đông	17
2.3.7. Niên giám	17
2.4. Cổ phiếu	17
2.4.1. Thị trường cổ phiếu	17
2.4.2. Thống kê giao dịch	21
2.4.3. Trạng thái cổ phiếu	22
2.4.4. Cổ phiếu chi tiết	22
2.4.5. Tâm lý thị trường	29
2.5. Chứng khoán phái sinh	29
2.5.1. Hợp đồng tương lai	29
2.5.2. Chứng quyền	32
2.6. Trái phiếu	34
2.6.1. Tổng quan thị trường trái phiếu	34
2.6.2. Tổ chức phát hành	34
2.6.3. Trái phiếu A-Z	35
2.6.4. Thống kê giao dịch	35

2.6.5. Tin tức	36
2.7. Công cụ đầu tư	36
2.7.1. Bản đồ thị trường	36
2.7.2. Bảng giá trực tuyến	37
2.7.3. Sức mạnh giá RRG	38
2.7.4. Phân tích kỹ thuật	39
2.7.5. Bộ lọc cổ phiếu	40
2.7.6. So sánh cổ phiếu	42
2.7.7. Báo cáo phân tích	42
2.8. Truy xuất dữ liệu	43
2.8.1. Tổng hợp doanh nghiệp	43
2.8.2. Báo cáo tài chính	45
2.8.3. Báo cáo tài chính ngành	46
2.9. Tin mới	47
2.9.1. Tin tức	47
2.9.2. Công bố thông tin	47
3. Phương pháp luận	48
3.1. Hệ thống phân ngành	48
3.2. Chỉ số chứng khoán	48
3.3. Chỉ số tài chính	48
3.3.1. Chỉ số tài chính kỳ ngày	48
3.3.2. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (CTCP thường và CTCK)	49
3.3.3. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (Bảo hiểm)	56
3.3.4. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (Ngân hàng)	57
4. Về Vietstock	60
4.1. Giới thiệu về Vietstock	60
4.2. Hoạt động kinh doanh chính	61
4.3. Sản phẩm dịch vụ	61

1. Giới thiệu chung

1.1. Giới thiệu VietstockFinance



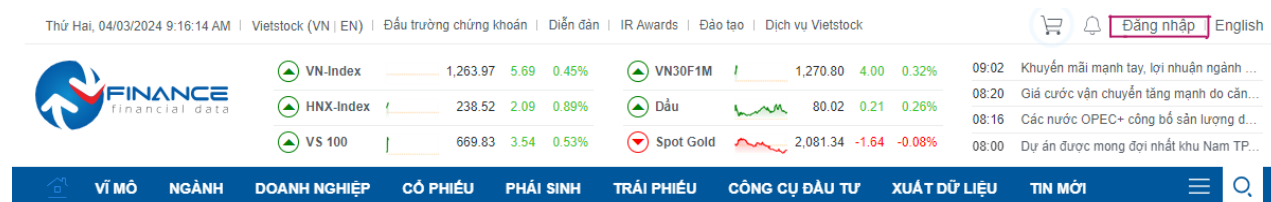
VietstockFinance - Dữ liệu tài chính và công cụ đầu tư chứng khoán trên nền web

VietstockFinance là nền tảng dữ liệu tài chính, công cụ phân tích đầu tư chứng khoán chuyên sâu. Cơ sở dữ liệu trên VietstockFinance mang tính toàn diện nền kinh tế - mọi góc độ doanh nghiệp được sắp xếp khoa học; thông tin chính xác, cập nhật và toàn diện. Hệ thống các tính năng và công cụ phục vụ nhu cầu phân tích đầu tư chứng khoán phù hợp khẩu vị đầu tư cho trường phái phân tích cơ bản lẫn phân tích kỹ thuật.

VietstockFinance bao phủ thông tin toàn diện hơn 1,700 doanh nghiệp niêm yết/đăng ký giao dịch trên 3 sàn HOSE, HNX, UPCOM và doanh nghiệp đại chúng.

Với 5 cấp độ tài khoản truy cập, từ FREE, BASIC, STANDARD, PRO và PREMIUM, VietstockFinance phục vụ nhu cầu đa dạng của cộng đồng hàng triệu tài khoản nhà đầu tư trên thị trường, chuyên gia giao dịch, nhà tư vấn, môi giới và nhà phân tích.

1.2. Đăng nhập hệ thống

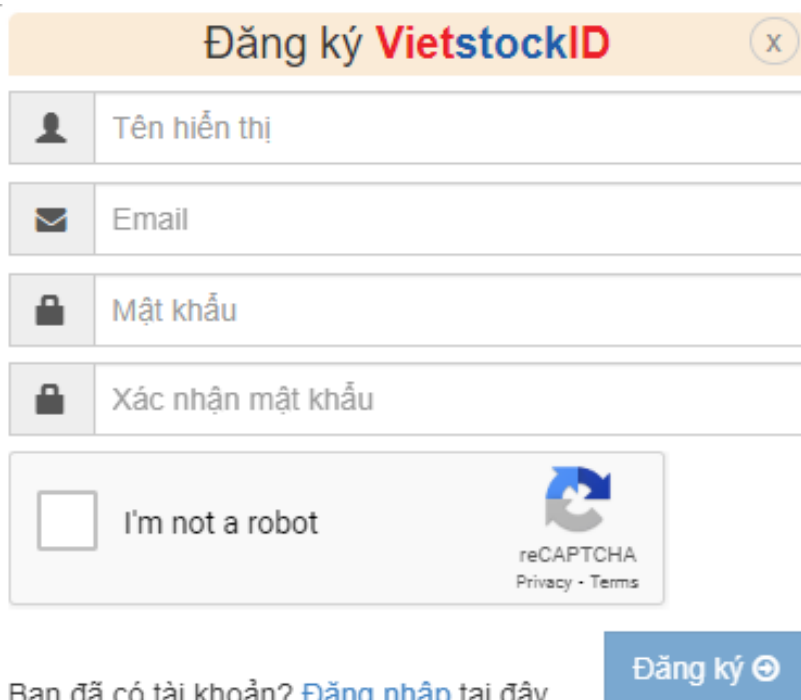


Để đăng nhập vào VietstockFinance, bạn thực hiện các bước sau:

- Bước 1: Trên trình duyệt, truy cập vào website: <https://finance.vietstock.vn/>. Bấm chọn biểu tượng **Đăng nhập** bên góc phải trên cùng màn hình. VietstockFinance cung cấp 3 cách đăng nhập (VietstockID, Google, Facebook).
- Bước 2: Đăng nhập vào hệ thống: Nhập Email và Mật khẩu.
- Bước 3: Sau khi điền thông tin đăng nhập & mật khẩu, bấm chọn **Đăng nhập**.

Lưu ý: Có thể chọn **Ghi nhớ đăng nhập** để lưu thông tin cho lần đăng nhập sau.

Trường hợp chưa có tài khoản, click **Đăng ký tài khoản mới** để đăng ký VietstockID:



The screenshot shows the "Đăng ký VietstockID" registration form. It includes fields for "Tên hiển thị" (Display Name), "Email", "Mật khẩu" (Password), and "Xác nhận mật khẩu" (Confirm Password). Below these fields is a reCAPTCHA widget with the text "I'm not a robot" and a "reCAPTCHA Privacy - Terms" link. At the bottom right, there is a blue "Đăng ký" (Register) button. A link "Bạn đã có tài khoản? Đăng nhập tại đây" (Do you have an account? Log in here) is located at the bottom left of the form area.

1.3. Nâng cấp tài khoản

Để nâng cấp tài khoản, bấm chọn biểu tượng Mua hàng ở góc phải màn hình và chọn gói tài khoản phù hợp với nhu cầu sử dụng.



VN-Index 1,263.97 5.69 0.45%



HNX-Index 238.52 2.09 0.89%



VS 100 669.83 3.54 0.53%



VN30F1M 1,270.80 4.00 0.32%



Dầu 80.02 0.21 0.26%



Spot Gold 2,081.34 -1.64 -0.08%

 09:02 Khuyến mãi mạnh tay, lợi nhuận ngành ...
 08:20 Giá cước vận chuyển tăng mạnh do cần...
 08:16 Các nước OPEC+ công bố sản lượng đ...
 08:00 Dự án được mong đợi nhất khu Nam TP...


VÍ MÔ

NGÀNH

DOANH NGHIỆP

CỔ PHIẾU

PHÁI SINH

TRÁI PHIẾU

CÔNG CỤ ĐẦU TƯ

XUẤT DỮ LIỆU

TIN MỚI


 VietstockFinance cung cấp [5 gói sản phẩm](#), tương ứng với 5 hạng tài khoản bao gồm:

- FREE: Nhà đầu tư chưa đăng ký tài khoản, nhiều tính năng bị hạn chế truy cập
- BASIC: Đăng ký hoàn toàn miễn phí, trải nghiệm tính năng ở mức độ cơ bản
- STANDARD: Bạn đồng hành của mọi nhà đầu tư với các tính năng ở mức độ tiêu chuẩn
- PRO: Nhà đầu tư chuyên nghiệp với công cụ và truy xuất dữ liệu chuyên sâu
- PREMIUM: Đăng cấp Doanh nghiệp với nền tảng công cụ, dữ liệu toàn diện nhất

1.4. Bố trí ứng dụng

(1) Menu chung hệ sinh thái Vietstock

(2) Nhóm: Nâng cấp tài khoản, Thông báo, Đăng nhập và quản lý tài khoản

(3) Công cụ Tìm kiếm

(4) Thanh Menu chính của VietstockFinance

VÍ MÔ	NGÀNH	DOANH NGHIỆP	CỔ PHIẾU	PHÁI SINH	TRÁI PHIẾU	CÔNG CỤ ĐẦU TƯ	XUẤT DỮ LIỆU	TIN MỚI
Dữ liệu ví mô		Doanh nghiệp A-Z	Thị trường cổ phiếu	Trạng thái cổ phiếu	Hợp đồng tương lai	Bán đồ thị trường	Tin tức	
GDP		Giao dịch nội bộ	Bản đồ thị trường	Quy mô thị trường	Tổng quan	Bảng giá trực tuyến	Công bố thông tin	
CPI		Cổ đông nội bộ	Tổng hợp thị trường	Niêm yết	HĐTL chi tiết	Sức mạnh giả RRG	HOSE	
IIP		Người liên quan	Thanh khoản	Niêm yết mới	Thống kê giao dịch	Phân tích kỹ thuật	HNX	
Bán lẻ		Cổ đông lớn	Định giá	Niêm yết bổ sung	Quy định	Bộ lọc cổ phiếu	UPCoM	
Xuất nhập khẩu		Cổ phiếu quỹ	Nước ngoài	Hủy niêm yết	Chứng quyền	So sánh cổ phiếu	Hợp đồng tương lai	
FDI		Lịch sự kiện	Tự doanh	Theo dõi đặc biệt	Tổng quan	Báo cáo phân tích	Chứng quyền	
Tín dụng		Niêm yết	Top cổ phiếu	Không được ký quỹ	Chứng quyền chi tiết	XUẤT DỮ LIỆU	Trái phiếu DN	
Thị trường mở		Cổ tức và phát hành thêm	Bán đồ ngành	Danh mục ETF	Thống kê giao dịch	Tổng hợp doanh nghiệp		
Tỷ giá - Lãi suất		Đại hội đồng cổ đông	Thống kê giao dịch	Cổ phiếu chi tiết	Định giá	Báo cáo tài chính		
Dân số và lao động		Hồ sơ lãnh đạo	Giá	Tổng quan	TRÁI PHIẾU	Báo cáo tài chính ngành		
		Cập nhật lãi lỗ	Đặt lệnh	Giao dịch	Trái phiếu doanh nghiệp	Ví mô		
NGÀNH		Tài liệu cổ đông	Nước ngoài	Tài chính	Tổng quan			
Dữ liệu ngành		Báo cáo tài chính	Tự doanh	Phân tích kỹ thuật	Tổ chức phát hành			
Ngành chi tiết		Giải trình KQKD	Ảnh hưởng chỉ số	Hồ sơ doanh nghiệp	Trái phiếu A-Z			
		Báo cáo quản trị	Biến động cổ phiếu	Tin tức sự kiện	Thống kê giao dịch			
		Báo cáo thường niên	Giao dịch nội bộ	Tài liệu	Tin tức			
		Nghị quyết HĐQT	Tâm lý thị trường					
		Tài liệu HĐQT						
		Niên giám						



Chăm sóc khách hàng

☎ 0908 16 98 98

✉ data@vietstock.vn

1.5. Liên hệ, giải đáp thắc mắc

Trong quá trình sử dụng VietstockFinance, nếu có bất kì câu hỏi nào liên quan đến kỹ thuật hoặc thao tác sử dụng, bạn có thể gửi yêu cầu hỗ trợ trực tiếp tới Trung tâm chăm sóc khách hàng của VietstockFinance theo thông tin sau:

❖ **Email:** data@vietstock.vn

❖ **Hotline:** **0908 16 98 98**

Ngoài ra, bạn cũng có thể click vào **Phản hồi về dữ liệu** để gửi phản hồi và thắc mắc đến bộ phận liên quan của Vietstock.

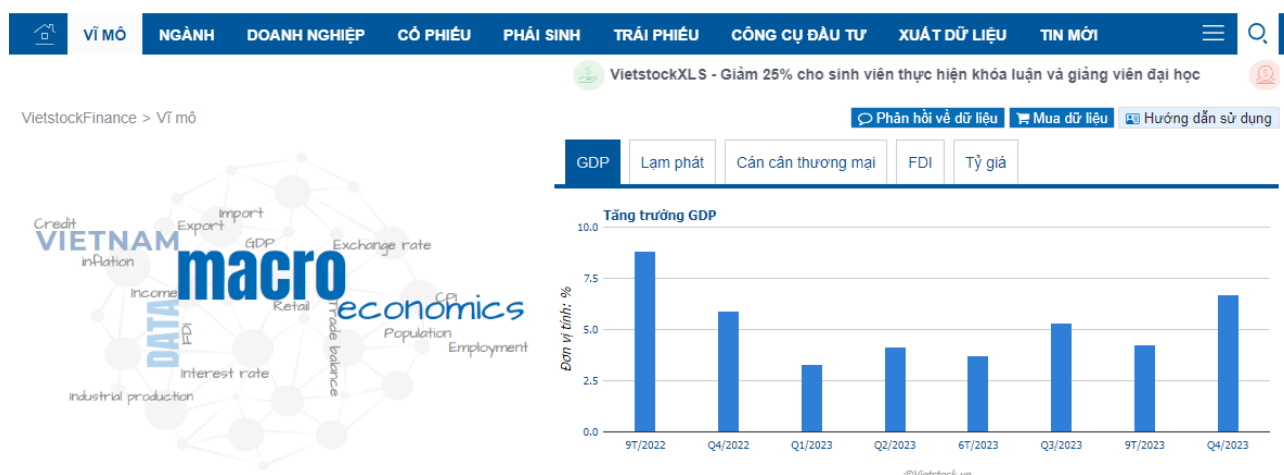


2. Tính năng

2.1. Vĩ mô

2.1.1. Dữ liệu vĩ mô

Với góc nhìn đi từ toàn cảnh nền kinh tế đến chi tiết từng doanh nghiệp, **Vĩ mô** là thông tin được sắp xếp đầu tiên (từ trái qua) trên giao diện trang chủ.



Tại đây bạn sẽ khám phá toàn diện nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong mọi lĩnh vực gồm:

- Tổng sản phẩm quốc nội (GDP - Gross Domestic Product)
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI - Consumer Price Index)
- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP - Index of Industrial Production)
- Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

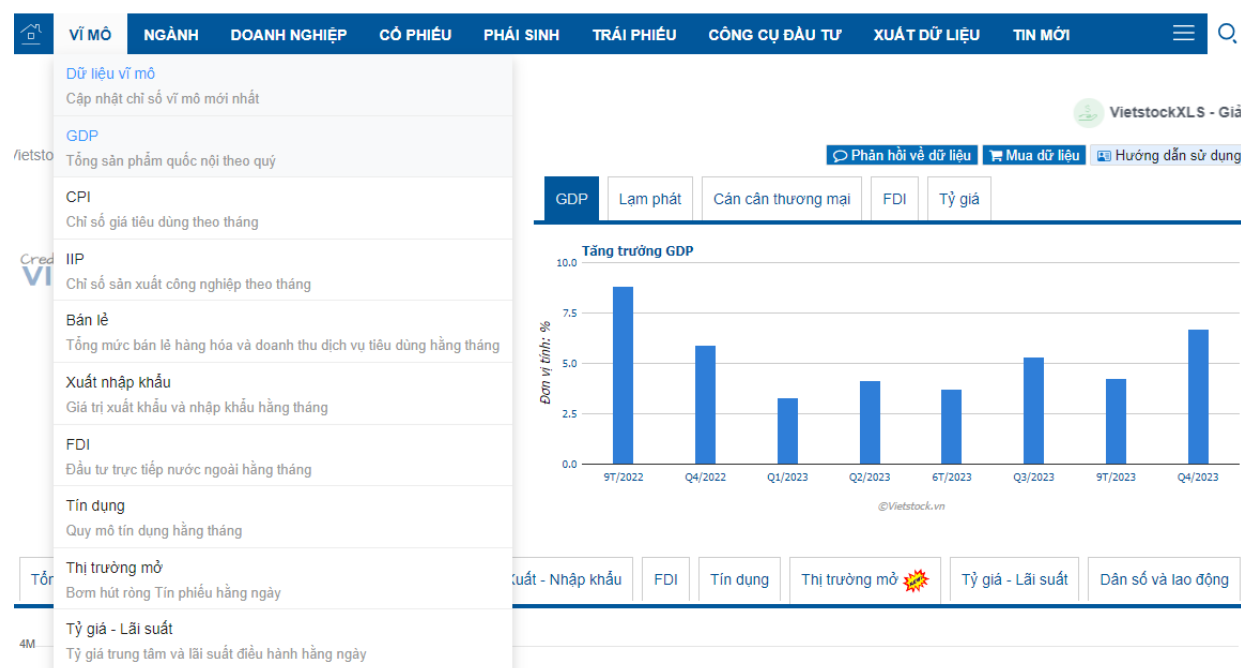
- Xuất nhập khẩu hàng hóa
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI - Foreign Direct Investment)
- Tín dụng: Tổng phương tiện thanh toán, Dự nợ tín dụng
- Thị trường mở: Bơm hút ròng tín phiếu
- Tỷ giá - lãi suất: Tỷ giá trung tâm, lãi suất liên ngân hàng
- Dân số và lao động.

Với các dữ liệu này, bạn có thể nhanh chóng tiếp cận thông tin với các biểu đồ trực quan sinh động, linh hoạt lọc theo kỳ công bố (ngày/tháng/năm) và theo thời gian của từng lĩnh vực, xuất dữ liệu ra file excel để tùy biến sử dụng thêm theo nhu cầu cá nhân.

2.1.2. Dữ liệu GDP

Dữ liệu GDP - Tổng sản phẩm quốc nội Việt Nam theo quý, mới nhất. Cơ cấu GDP theo lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.

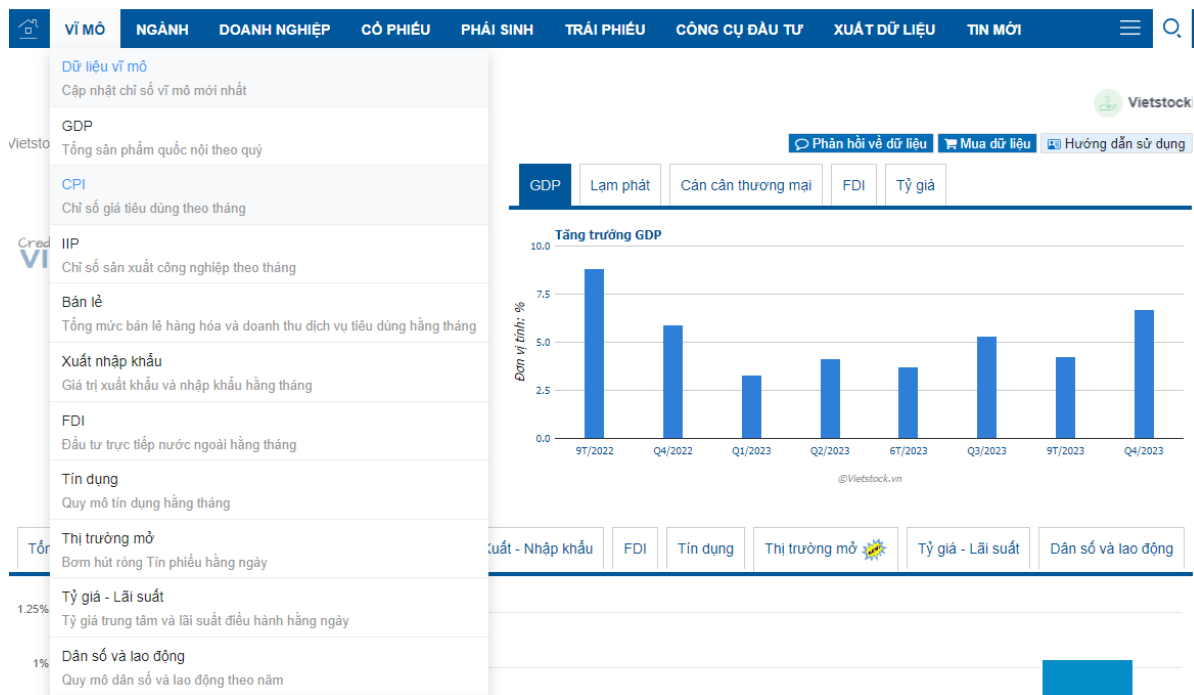
Thao tác sử dụng: Vào menu **Vĩ mô** >> [GDP](#)



2.1.3. Dữ liệu CPI

Dữ liệu CPI Việt Nam theo tháng, mới nhất. CPI chi tiết theo lĩnh vực: lương thực, thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình,...

Thao tác sử dụng: Vào menu **Vĩ mô** >> [CPI](#)



2.1.4. Dữ liệu IIP

Dữ liệu Chỉ số sản xuất công nghiệp Việt Nam (IIP) theo tháng, mới nhất. IIP theo lĩnh vực: Khai khoáng, công nghiệp chế biến chế tạo, sản xuất và phân phối điện, cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Vĩ mô** >> **IIP**



2.1.5. Dữ liệu bán lẻ

Tổng mức bán lẻ Việt Nam theo tháng mới nhất. Bán lẻ theo lĩnh vực: thương nghiệp, khách sạn nhà hàng, du lịch, dịch vụ.

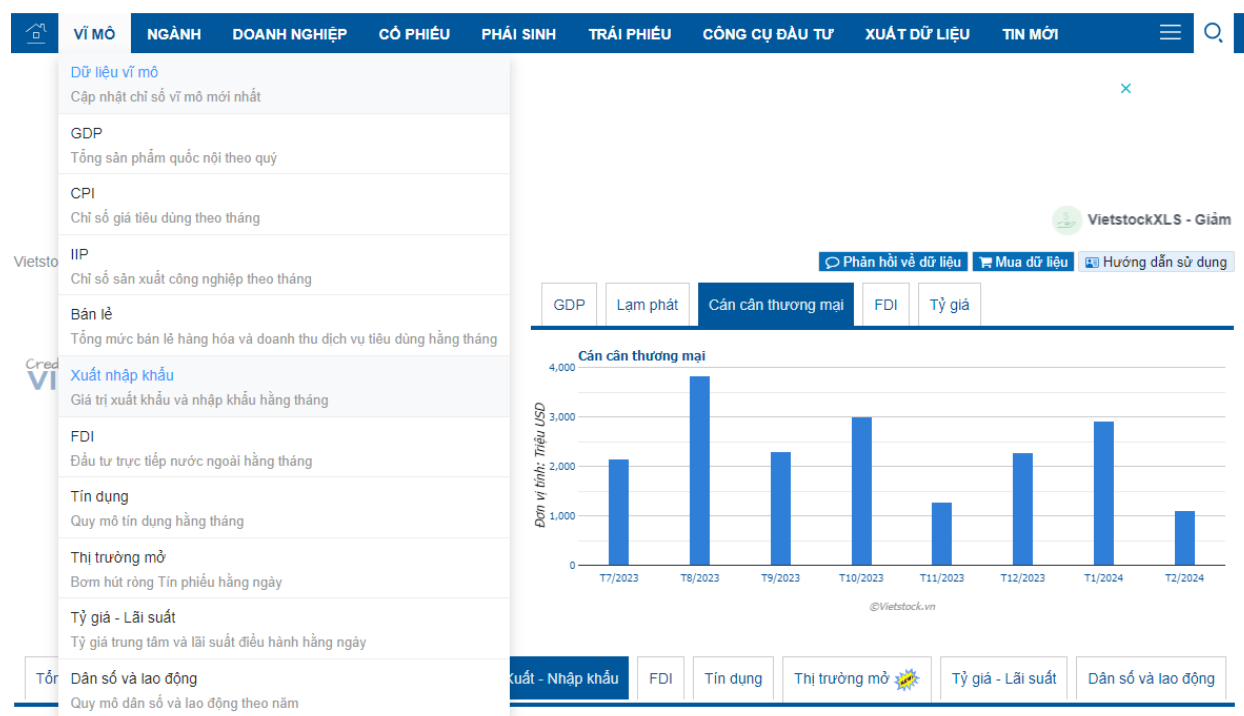
Thao tác sử dụng: Vào menu **Vĩ mô** >> **Bán lẻ**



2.1.6. Dữ liệu xuất nhập khẩu

Xuất nhập khẩu Việt Nam theo tháng mới nhất. Chi tiết theo từng mặt hàng: Điện tử máy tính, giày da, dệt may, thủy sản,...

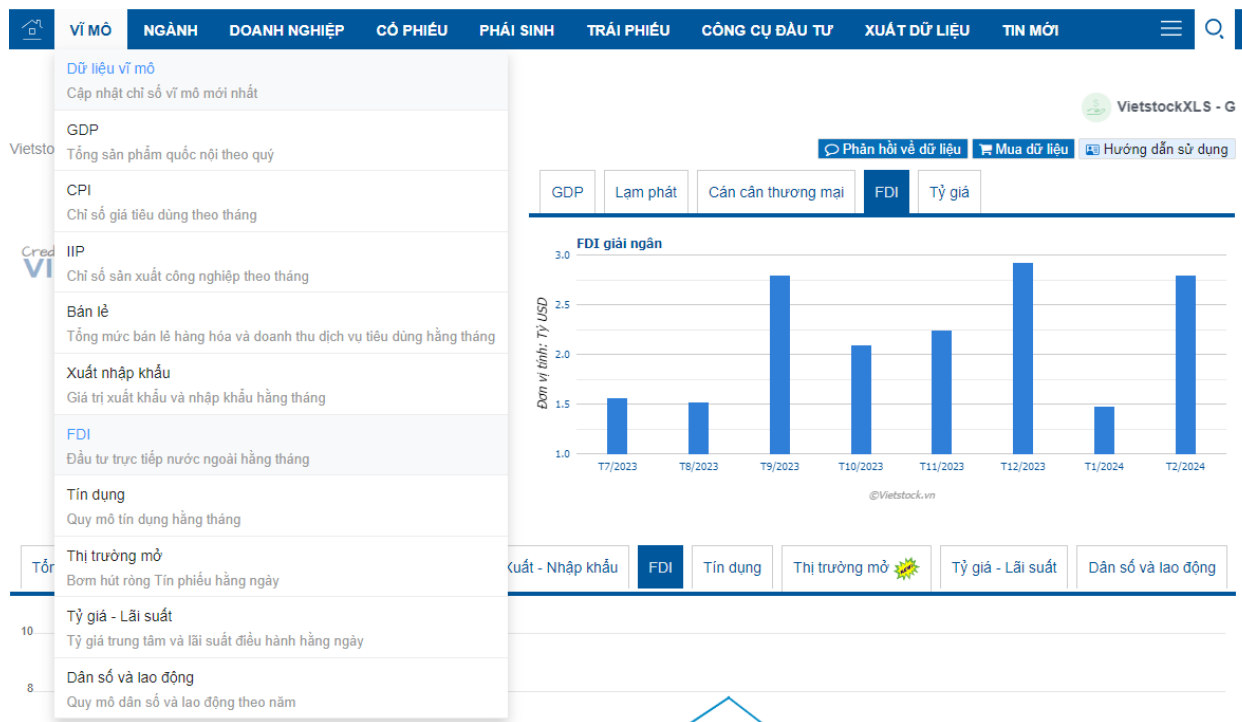
Thao tác sử dụng: Vào menu **Vĩ mô** >> [Xuất nhập khẩu](#)



2.1.7. Dữ liệu FDI

Dữ liệu Đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI vào Việt Nam theo tháng, năm mới nhất. Chi tiết FDI theo đăng ký và giải ngân.

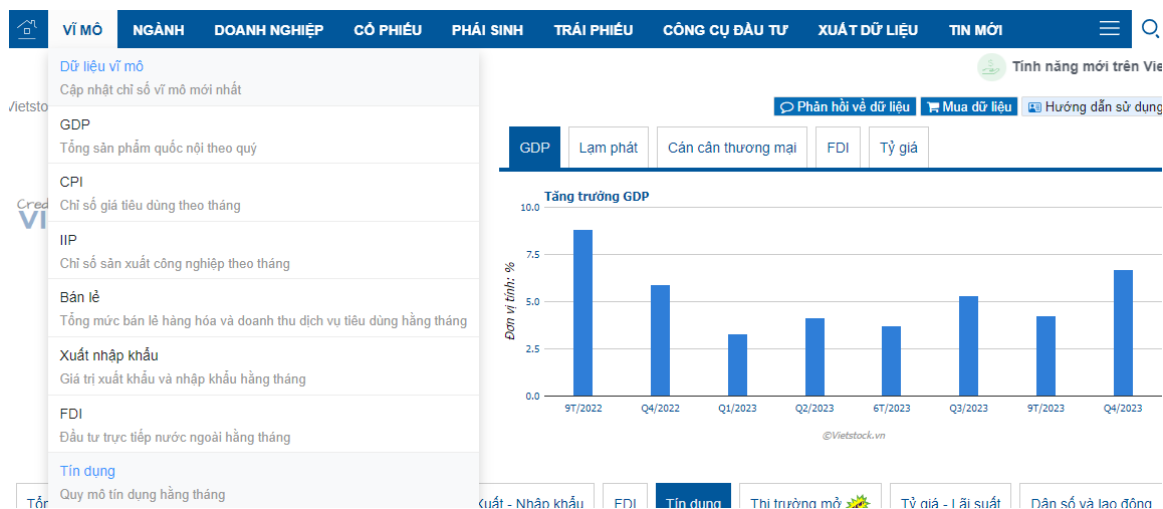
Thao tác sử dụng: Vào menu **Vĩ mô** >> [FDI](#)



2.1.8. Dữ liệu tín dụng

Dữ liệu tín dụng mới nhất theo tháng và theo năm. Dữ liệu tín dụng, cung tiền M2, tăng trưởng tín dụng, tăng trưởng cung tiền M2.

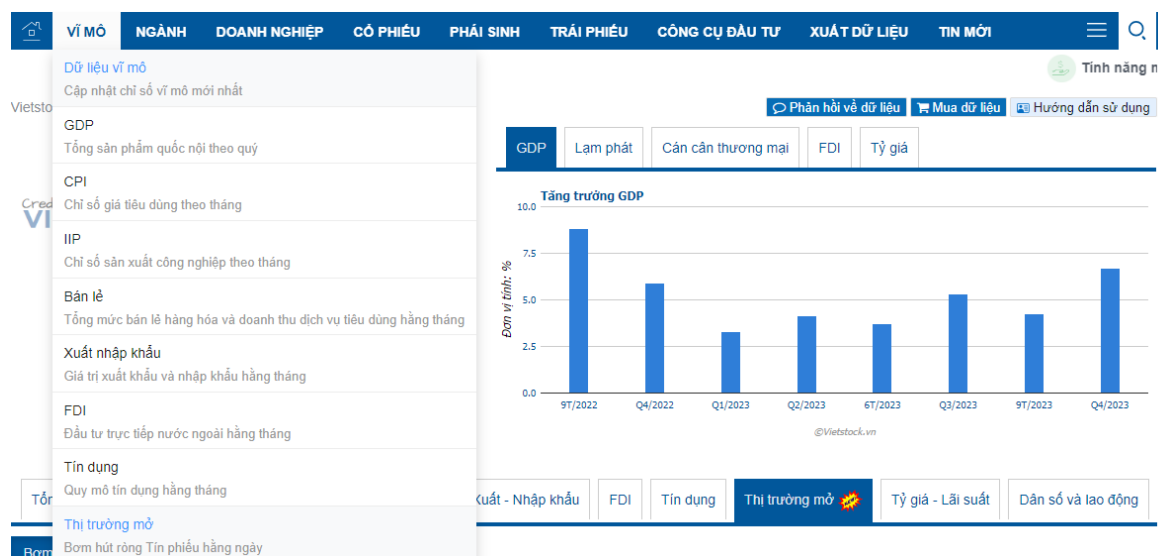
Thao tác sử dụng: Vào menu **Vĩ mô** >> **Tín dụng**



2.1.9. Dữ liệu thị trường mở

Diễn biến bơm hút ròng nghiệp vụ thị trường mở OMO theo ngày. Chi tiết theo Khối lượng mua kỳ hạn, đáo hạn mua kỳ hạn, bán hẫng, đáo hạn bán hẫng, giá trị bơm OMO, giá trị hút OMO, giá trị bơm ròng OMO.

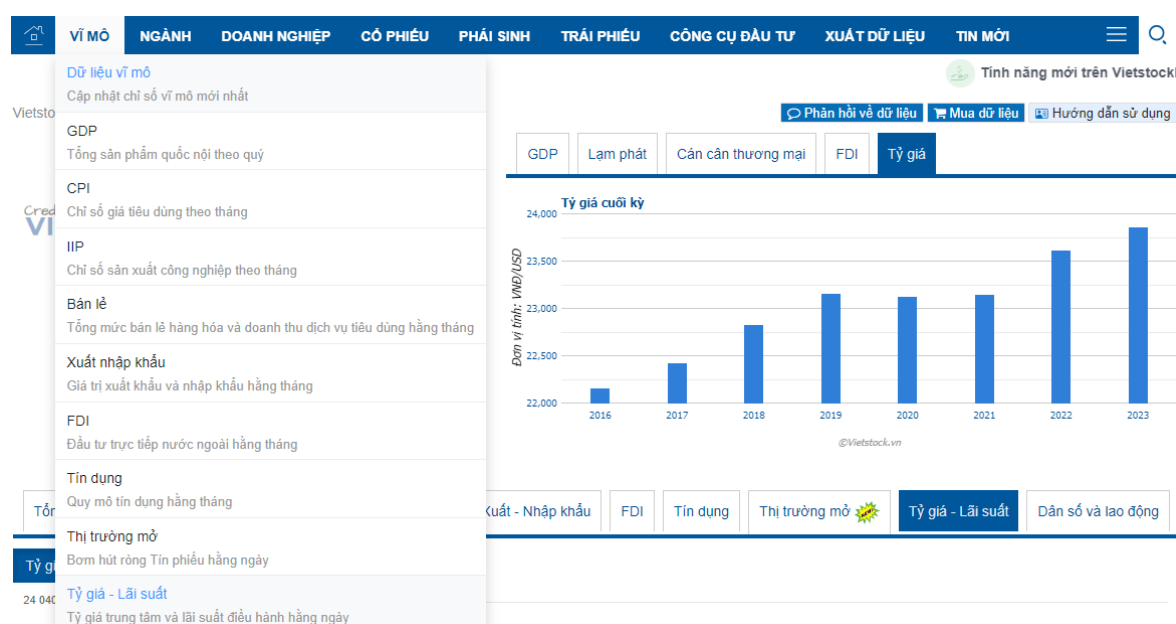
Thao tác sử dụng: Vào menu **Vĩ mô** >> [Thị trường mở](#)



2.1.10. Dữ liệu tỷ giá - lãi suất

Dữ liệu tỷ giá trung tâm và lãi suất liên ngân hàng mới nhất theo ngày và theo năm.

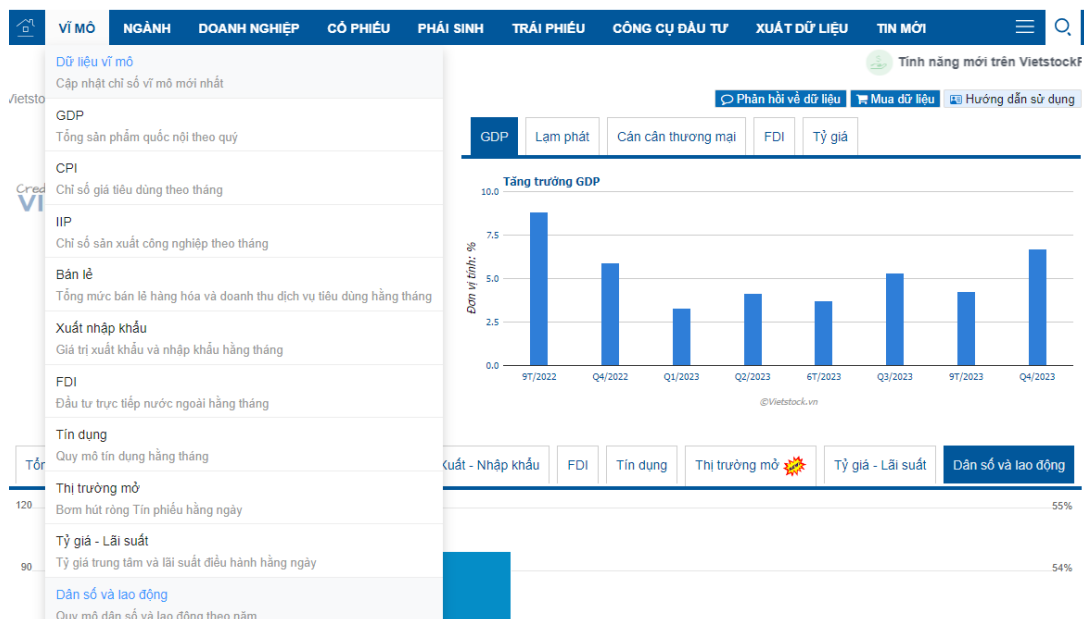
Thao tác sử dụng: Vào menu **Vĩ mô** >> [Tỷ giá - lãi suất](#)



2.1.11. Dữ liệu dân số và lao động

Dữ liệu dân số và lao động theo năm mới nhất. Chi tiết: mật độ dân số, tốc độ tăng dân số, tỷ lệ dân thành thị, tỷ lệ thất nghiệp thành thị, số lượng lao động,...

Thao tác sử dụng: Vào menu **Vĩ mô** >> [Dân số và lao động](#)



2.2. Ngành

2.2.1. Dữ liệu ngành

Chi tiết hơn vào từng ngành của nền kinh tế, VietstockFinance cung cấp cho bạn thông tin về mỗi ngành nghề dưới góc nhìn từ thị trường chứng khoán.

Bạn có thể tìm thấy thông tin chỉ số chứng khoán đại diện cho từng ngành cùng mức độ tăng giảm theo thời gian, đi kèm đó là thông tin tổng khối lượng, giá trị giao dịch và nước ngoài mua bán các cổ phiếu trong từng ngành.

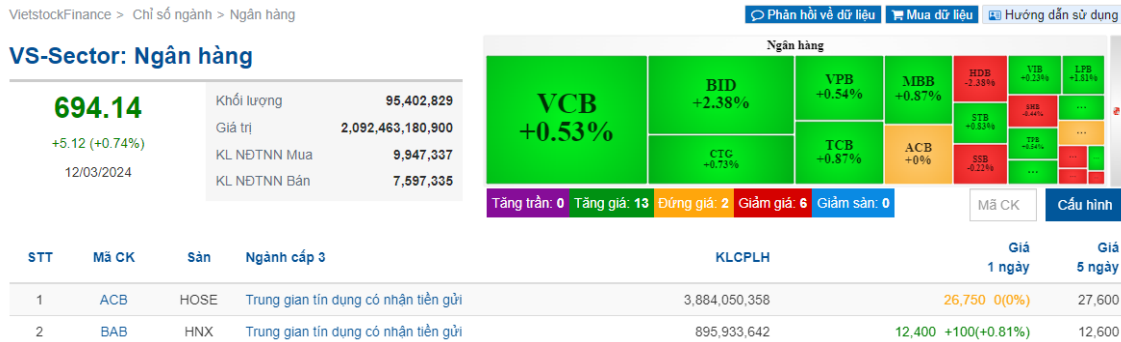
Thao tác sử dụng: Vào menu **Ngành** >> [Chỉ số ngành](#):

VS-SECTOR Mặc định Giảm dần Tăng dần				
BÁN BUÔN 1.73%	BẢO HIỂM -0.21%	BẤT ĐỘNG SẢN 0.62%	CHỨNG KHOÁN 0.45%	CÔNG NGHỆ VÀ THÔNG TIN 1.83%
BÁN LẺ 1.88%	CHĂM SÓC SỨC KHỎE 0.78%	KHAI KHOÁNG 0.59%	NGÂN HÀNG 0.82%	NÔNG - LÂM - NGƯ 0.22%
SX THIẾT BỊ, MÁY MÓC 0.12%	SX HÀNG GIA DỤNG 0.64%	SẢN PHẨM CAO SU 1.70%	SX NHỰA - HÓA CHẤT 3.90%	THỰC PHẨM - ĐỒ UỐNG 0.43%

2.2.2. Ngành chi tiết

Bạn cũng có thể xem thông tin chi tiết về khối lượng cổ phiếu lưu hành, giá 1 ngày, giá 5 ngày của các cổ phiếu trong từng ngành.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Ngành >> [Ngành chi tiết:](#)**



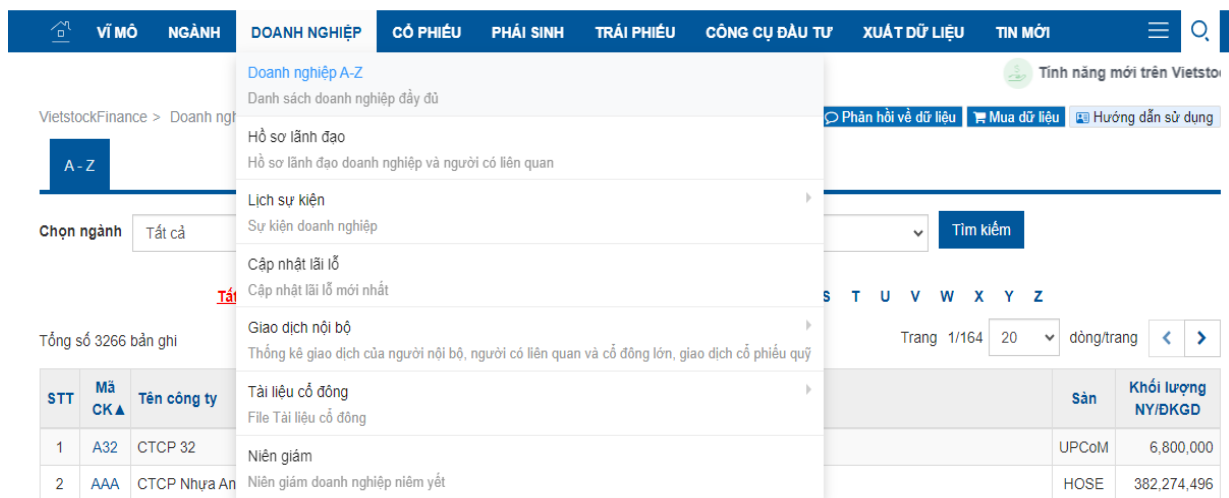
Quan điểm phân ngành của Vietstock là lựa chọn tiêu chuẩn NAICS 2007 (The North American Industry Classification System) vì tính phổ biến, bao quát cao, được sự hỗ trợ của nhiều tổ chức quốc tế, có nhiều điểm tương đồng với hệ thống phân ngành VSIC 2007 của Việt Nam, và có trật tự logic cao trong việc sắp xếp thứ tự ngành.

2.3. Doanh nghiệp

2.3.1. Doanh nghiệp A-Z

Doanh nghiệp A-Z thống kê danh sách đầy đủ các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE, HNX, đăng ký giao dịch trên UPCOM và cả các doanh nghiệp chưa niêm yết theo nhiều đặc tính của chứng khoán, bao gồm các công ty cổ phần thường, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, ngân hàng, chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ, công ty kiểm toán và tổ chức tài chính khác.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Doanh nghiệp >> [Doanh nghiệp A-Z](#)**



2.3.2. Hồ sơ lãnh đạo

PHẠM NHẬT VƯỢNG



TVHĐQT
CTCP Vinhomes (HOSE: VHM)

KS Kinh tế Địa chất
56 tuổi

Tổng quan | Chức vụ | Tài sản | Người liên quan | Tin tức | Giao dịch

Thông tin cá nhân

Họ tên : Phạm Nhật Vượng
 Năm sinh : 05/08/1968
 CMND/CCCD : 011388711
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quê quán : Hà Tĩnh
 Địa chỉ : Số 193C, Phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Trình độ

Kỹ sư Kinh tế địa chất

Chức vụ

#	Chức vụ	Công ty	Bổ nhiệm
1	TVHĐQT	CTCP Vinhomes (HOSE: VHM)	2018
2	CTHĐQT	Tập đoàn VINGROUP - CTCP (HOSE: VIC)	2001

CTCP Vinhomes



Phạm Thiệu Hoa
CTHĐQT



Phạm Nhật Vượng
TVHĐQT



Nguyễn Diệu Linh
TVHĐQT



Cao Thị Hà An
TVHĐQT



Varun Kapur
TVHĐQT

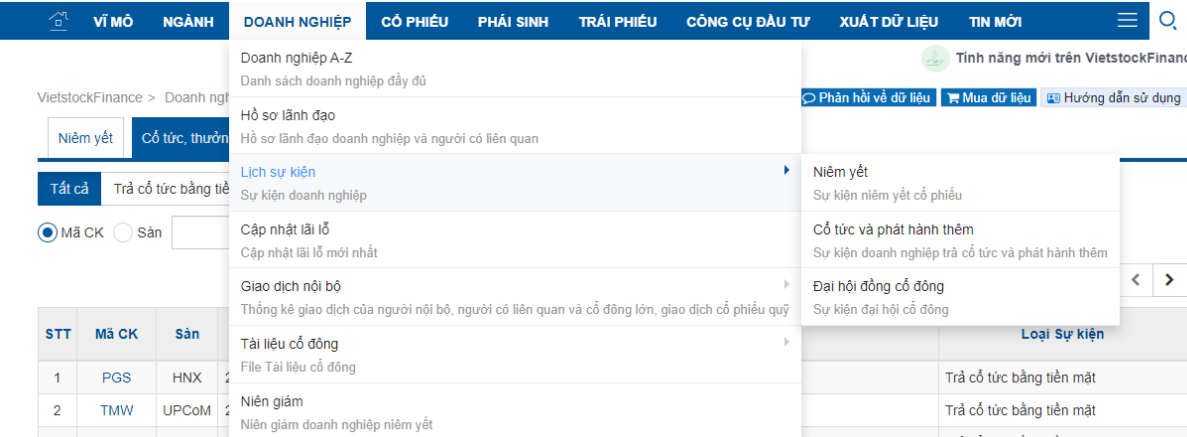
Hồ sơ lãnh đạo bao gồm các thông tin:

• Thông tin cá nhân • Trình độ • Chức vụ • Cổ phiếu đang sở hữu • Cổ phiếu đại diện sở hữu	• Cá nhân có liên quan • Tổ chức liên quan • Quá trình công tác • Tin tức • Giao dịch cổ phiếu
--	--

2.3.3. Lịch sự kiện

Lịch sự kiện thống kê sự kiện doanh nghiệp của tất cả các mã chứng khoán trên 3 sàn HOSE, HNX, UPCOM bao gồm Niêm yết; Cổ tức, thưởng và phát hành thêm; Đại hội cổ đông; Giao dịch nội bộ.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Doanh nghiệp >> Lịch sự kiện**



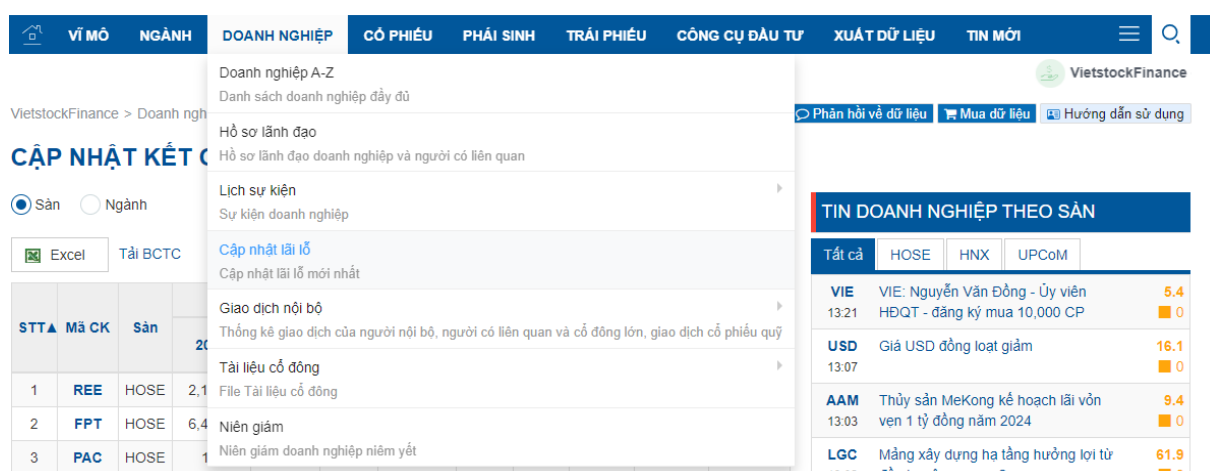
Tại đây có thể tùy chọn:

- Loại sự kiện: Niêm yết; Cổ tức, thưởng và phát hành thêm; Đại hội cổ đông; Giao dịch nội bộ
- Mã CK chi tiết hoặc Sàn
- Thời gian tra cứu

2.3.4. Cập nhật lãi lỗ

Thống kê nhanh lãi lỗ trong kết quả kinh doanh tại kỳ báo cáo tài chính gần nhất của các doanh nghiệp. Có thể linh hoạt chọn Sàn, Ngành hoặc chi tiết MCK đang quan tâm.

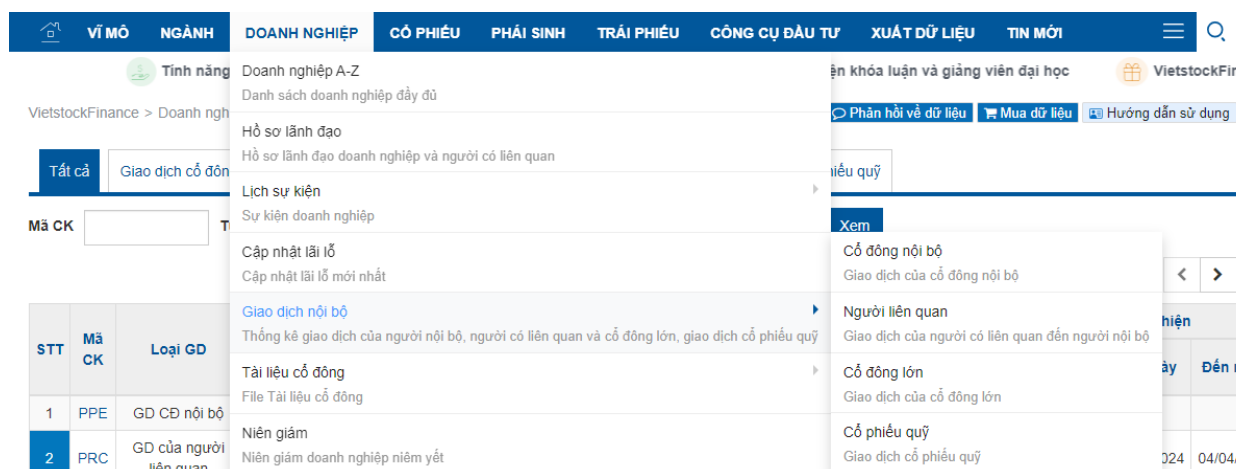
Thao tác sử dụng: Vào menu **Doanh nghiệp** >> [Cập nhật lãi lỗ](#)



2.3.5. Giao dịch nội bộ

Giao dịch nội bộ: Bao gồm thông tin giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, giao dịch của người có liên quan, giao dịch cổ đông lớn và giao dịch cổ phiếu quỹ.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Doanh nghiệp** >> [Giao dịch nội bộ](#)

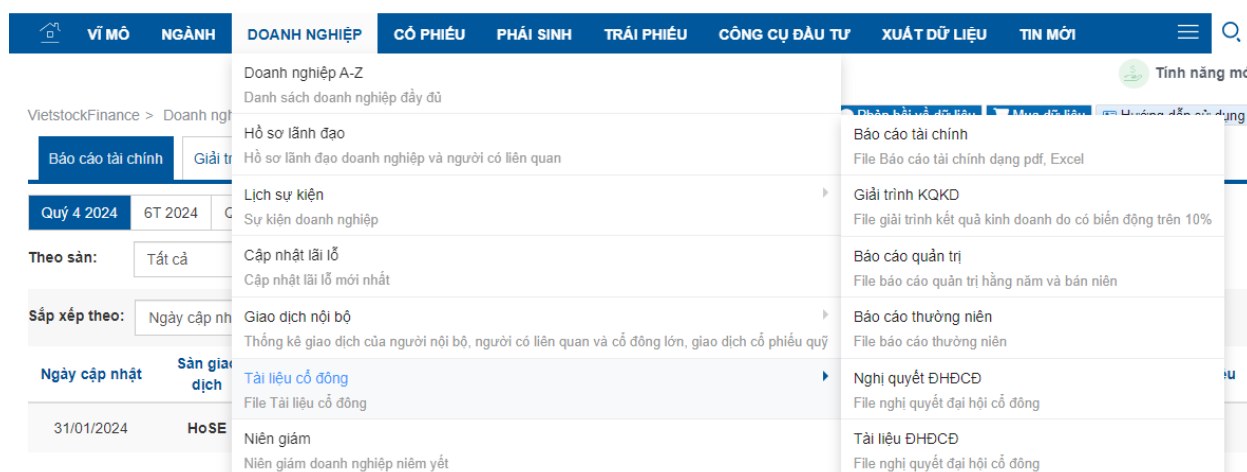


2.3.6. Tài liệu cổ đông

Tài liệu đại hội cổ đông có thể lựa chọn loại báo cáo, kỳ thời gian, sàn/MCK, theo sắp xếp và theo thứ tự:

• Báo cáo tài chính • Giải trình KQKD	• Báo cáo quản trị • Báo cáo thường niên	• Nghị quyết ĐHĐCĐ • Tài liệu ĐHĐCĐ
--	---	--

Thao tác sử dụng: Vào menu **Doanh nghiệp >> Tài liệu cổ đông**



2.3.7. Niên giám

Thông tin về niên giám doanh nghiệp niêm yết.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Doanh nghiệp >> Niên giám**

2.4. Cổ phiếu

2.4.1. Thị trường cổ phiếu

Thông tin về thị trường cổ phiếu bao gồm bản đồ thị trường, tổng hợp thị trường, thanh khoản, định giá, nước ngoài, tự doanh, top cổ phiếu và bản đồ ngành.

Bản đồ thị trường: là bản đồ nhiệt (heat map) phân tích nhanh toàn cảnh thị trường về biến động giá và một số tiêu chí linh hoạt khác. Thiết kế bao gồm các khu vực thông tin:

- (1) Menu điều khiển, linh hoạt lựa chọn các tiêu chí phân tích
- (2) Khu vực hiển thị Biểu đồ
- (3) Thông tin về thị trường hoặc mã chứng khoán bạn đang quan tâm
- (4) Thống kê số mã theo phân loại về mức biến động giá
- (5) Tìm kiếm mã CK giúp phóng to biểu đồ tới mã bạn quan tâm

VIX 18,200 ▲50 (0.28%)

CTCP Chứng khoán VIX

Ngành: Tài chính và bảo hiểm

Vốn hóa TT 12,183.89

Cổ tức bằng tiền mặt 0

Giá tham chiếu 18,150

Giá trần 19,400

Giá sàn 16,900

Giá mở cửa 18,300

GTGD 498.11

KLGD 26.97

GTGD thỏa thuận 0.00

KLGD thỏa thuận 0.00

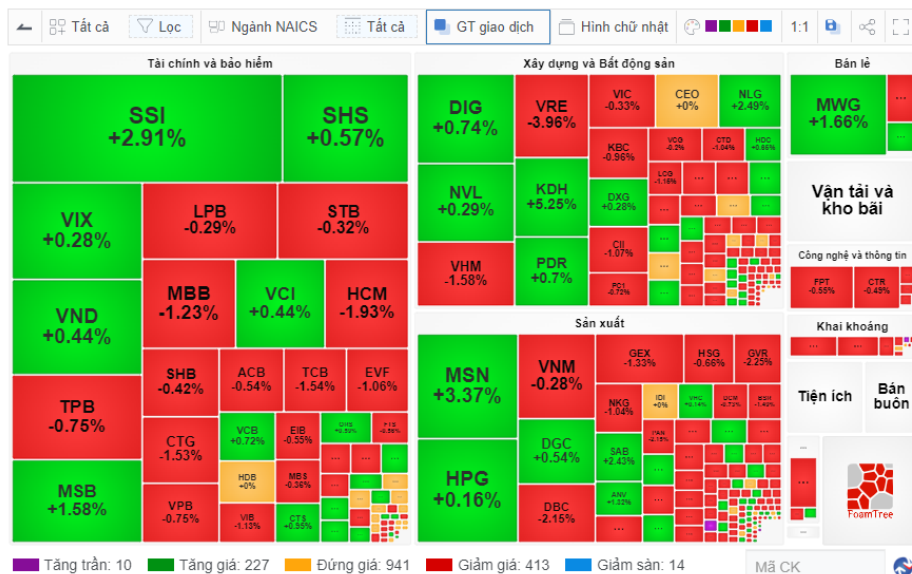
KL NĐTNN Mua 3.17

KL NĐTNN Bán 0.86

GT NĐTNN Mua 58.60

GT NĐTNN Bán 15.96

KLGD: triệu CP - Vốn hóa, GTGD: tỷ đồng



Thanh menu Bản đồ thị trường (1) có các thông số tùy chỉnh:

- **Chọn nguồn danh sách mã:** Chọn MCK theo sàn hoặc từng MCK để hiển thị
- **Phân nhóm hiển thị:** Các tùy chọn phân nhóm mã CK theo Ngành, Sàn, Vốn hóa, Không phân nhóm; và xem chi tiết từng nhóm.
- **Chỉ tiêu phân tích:** Vốn hóa, các chỉ tiêu giá trị, khối lượng, thỏa thuận, khớp lệnh, khối ngoại, giá,... (là kích thước diện tích mỗi ô trong biểu đồ).
- **Hình dạng** mỗi ô: Hình chữ nhật, hình đa giác, hình tròn.
- **Màu sắc:** Nhiều tùy chọn tông màu.
- **Tỷ lệ:** Tỷ lệ chuẩn là 1:1. Có thể chọn 0.5, 0.25 để giảm kích thước của MCK lớn, giúp MCK nhỏ hiển thị rõ hơn.
- **Tải ảnh:** Tải ảnh về máy của bạn.
- **Chia sẻ:** Sao chép đường dẫn (copy link) để chia sẻ, Chia sẻ Facebook.
- **Xem toàn màn hình:** Giúp trải nghiệm hiển thị tối ưu nhất.

Tổng hợp thị trường: Biểu đồ phân tích biến động giá trong ngày các chỉ số thị trường Việt Nam và các chỉ số chính trên thị trường thế giới (Mỹ, Châu Âu, Châu Á).

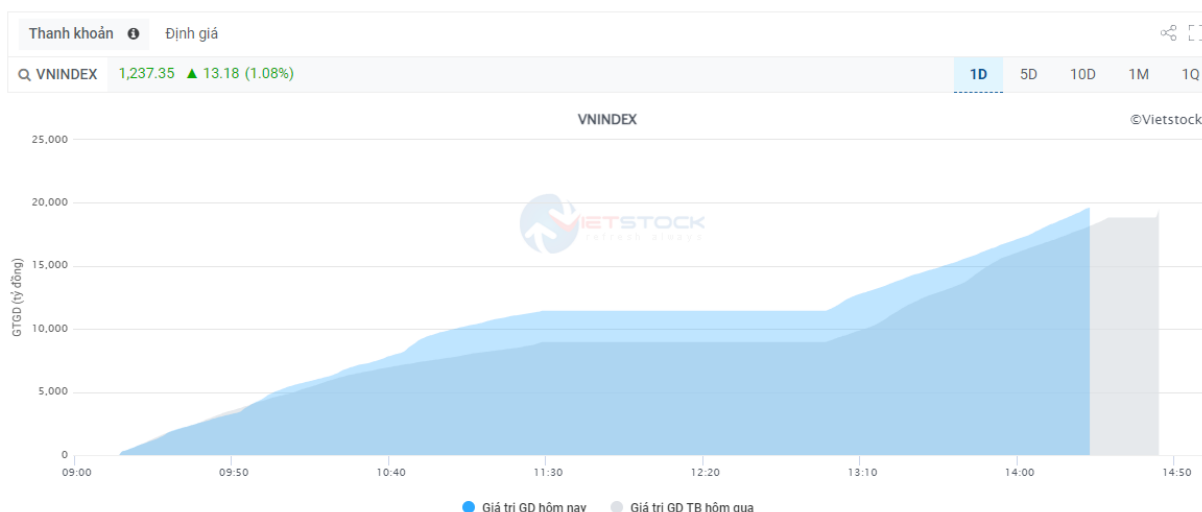


Biểu đồ Thanh khoản biểu diễn giá trị thanh khoản trên thị trường (mã) được tính theo giá trị giao dịch khớp lệnh. Biểu đồ gồm 2 miền dữ liệu:

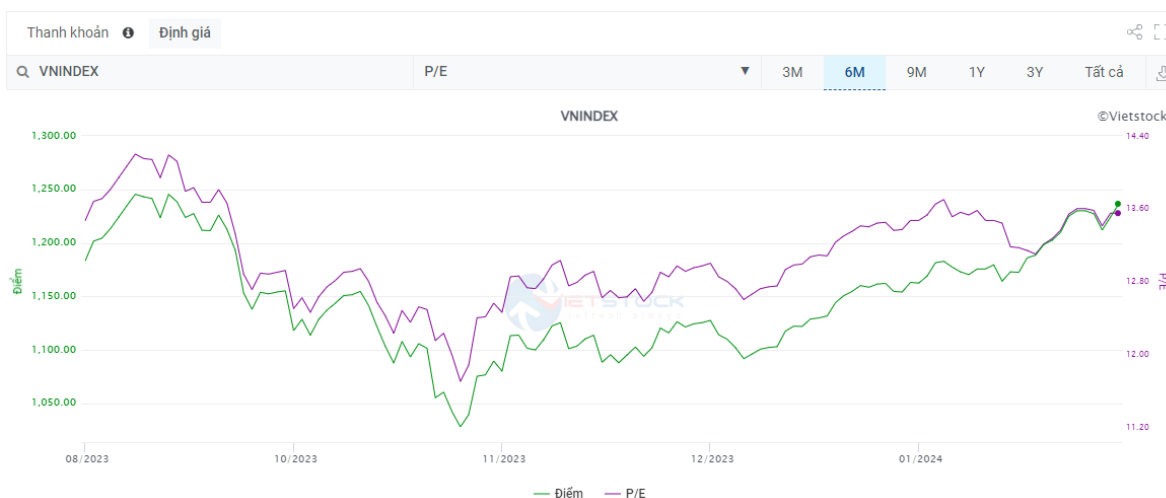
- Miền màu xanh là giá trị giao dịch tích lũy đến từng mốc thời gian của phiên giao dịch hiện tại (gần nhất).

- Miền màu xám là giá trị giao dịch tích lũy (bình quân) đến từng mốc thời gian của (các) phiên giao dịch liền trước.

Miền màu xanh cao hơn nghĩa là thời điểm đó thị trường giao dịch nhiều hơn (bình quân các) phiên giao dịch liền trước; và ngược lại.

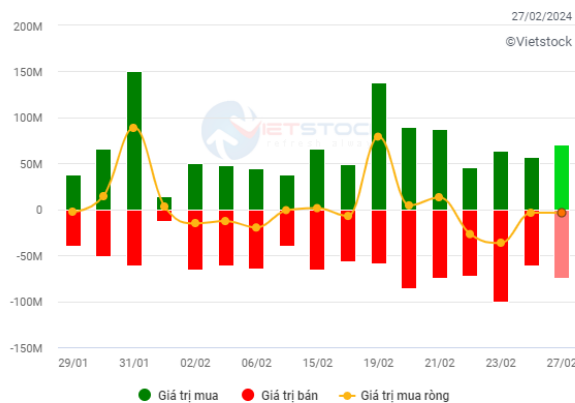


Định giá: diễn biến các chỉ số VN-Index, HNX-Index, UPCoM-Index, VN30, HNX30 định giá theo P/E và P/B. Tùy chọn theo các kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 1 năm và 3 năm và có thể xuất ra file Excel.

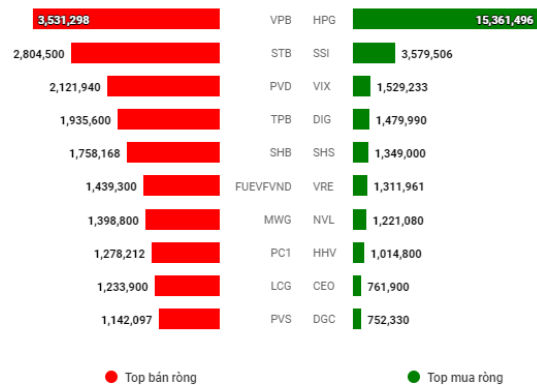


Nước ngoài: Thống kê giá trị và khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài theo dòng thời gian, thống kê khối lượng và giá trị giao dịch ròng theo mã, giúp bạn có thể nhìn nhanh về dòng tiền mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài tại thị trường Việt Nam.

Khối lượng giao dịch NĐTNN 3 sản theo ngày (cổ phiếu)

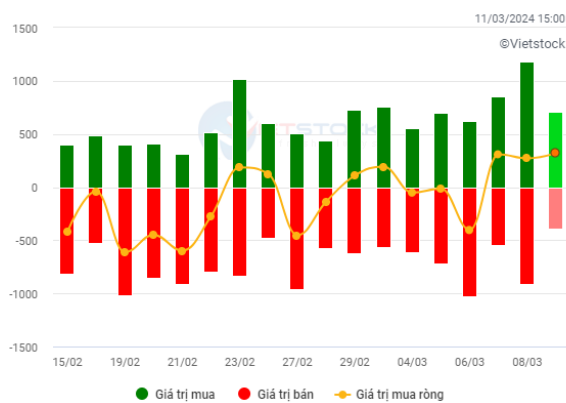


Khối lượng giao dịch ròng theo mã ngày 27/02/2024 (cổ phiếu)

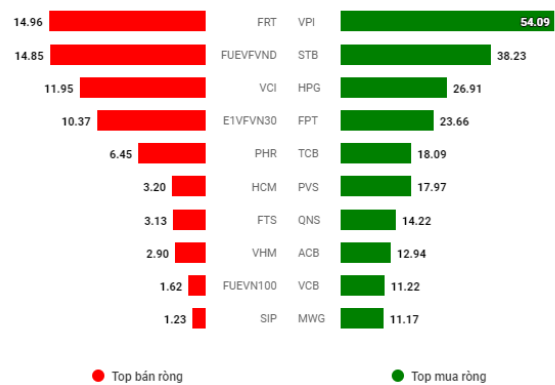


Tự doanh: Thống kê giá trị và khối lượng giao dịch tự doanh theo dòng thời gian, thống kê khối lượng và giá trị giao dịch ròng theo mã, giúp bạn có thể nhìn nhanh về dòng tiền mua/bán ròng tự doanh.

Giá trị giao dịch tự doanh 3 sản theo ngày (tỷ đồng)



Giá trị giao dịch ròng theo mã ngày 11/03/2024 (tỷ đồng)



Top cổ phiếu: Biểu đồ và danh sách top cổ phiếu về mức độ ảnh hưởng/đóng góp đến tăng/giảm của chỉ số thị trường VN-Index. Khi click vào nút mở rộng có thể tra cứu và tùy chọn thêm top cổ phiếu tác động đến các chỉ số khác như HNX-Index, UPCoM-Index, VN30, HNX30.

Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index



Top 10 cổ phiếu theo các tiêu chí:

- Giao dịch: Nước ngoài mua/bán, Giá trị giao dịch/bình quân 10 phiên
- Chỉ số: PE, PB, EPS và vốn hóa

Top 10 cổ phiếu

	NN mua	NN bán	GTGD	GTGD TB
STT	Mã CK	Giá trị	Giá	Thay đổi
1	SSI	1,057,744	36,400	50 (0.14%)
2	HPG	965,262	30,200	300 (1%)
3	VND	803,843	22,800	-100 (-0.44%)
4	MWG	728,827	47,000	600 (1.29%)
5	VIX	662,314	18,900	-500 (-2.58%)
6	STB	651,178	30,400	200 (0.66%)
7	DIG	650,358	26,400	200 (0.76%)
8	MBB	639,735	23,150	200 (0.87%)
9	GEX	531,903	22,150	50 (0.23%)
10	MSN	503,455	78,100	600 (0.77%)

Top 10 theo chỉ số

P/E		P/B		EPS		Vốn hóa		
STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	748,700	94,700	600 (0.64%)	16.02	3.14	5,910	529,287
2	BID	936,800	52,100	1,600 (3.17%)	16.67	2.42	3,125	296,993
3	VHM	3,061,300	42,600	50 (0.12%)	5.60	1.02	7,607	185,496
4	CTG	4,649,500	34,350	200 (0.59%)	9.84	1.45	3,491	184,459
5	GAS	782,200	77,800	0 (0%)	15.65	2.74	4,972	178,686
6	HPG	22,608,500	30,200	300 (1%)	20.80	1.71	1,452	175,607
7	VIC	1,852,800	44,300	-50 (-0.11%)	79.82	1.14	555	169,388
8	VPB	7,340,900	18,600	50 (0.27%)	12.87	1.05	1,445	147,571
9	VNM	2,409,700	70,300	0 (0%)	18.52	4.19	3,796	146,924
10	TCB	4,797,300	40,900	500 (1.24%)	7.14	1.09	5,725	144,071

Bản đồ ngành: Bản đồ theo nhóm ngành phân tích biến động giá theo từng ngành (hệ phân ngành VS - Sector: xem chi tiết thêm tại Hướng dẫn phân ngành).

BÁN BUÔN 1.53%	BẢO HIỂM -0.14%	BẤT ĐỘNG SẢN 0.42%	CHỨNG KHOÁN 0.09%	CÔNG NGHỆ VÀ THÔNG TIN 1.73%
BÁN LẺ 1.54%	CHĂM SÓC SỨC KHỎE 0.75%	KHAI KHOÁNG 0.33%	NGÂN HÀNG 0.54%	NÔNG - LÂM - NGƯ 0.04%
SX THIẾT BỊ, MÁY MÓC -0.24%	SX HÀNG GIA DỤNG 0.45%	SẢN PHẨM CAO SU 1.50%	SX NHỰA - HÓA CHẤT 3.70%	THỰC PHẨM - ĐỒ UỐNG 0.20%

2.4.2. Thống kê giao dịch

Thống kê thông tin giao dịch của các mã chứng khoán toàn thị trường theo thời gian được chọn.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Cổ phiếu** >> [Thống kê giao dịch](#)

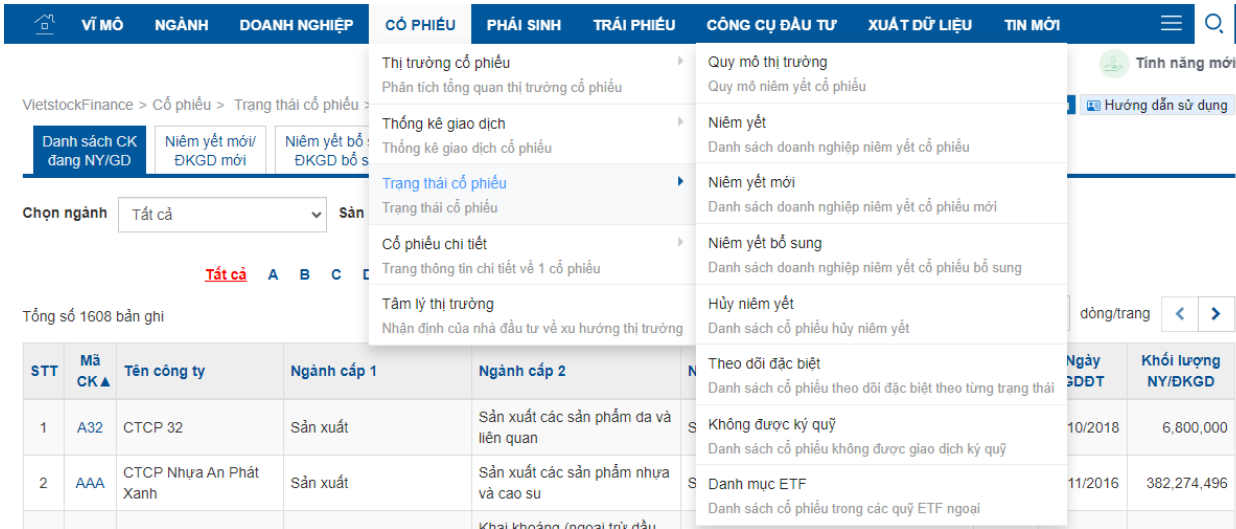
VÍ MÔ			NGÀNH	DOANH NGHIỆP	CỔ PHIẾU	PHÁI SINH	TRÁI PHIẾU	CÔNG CỤ ĐẦU TƯ	XUẤT DỮ LIỆU	TIN MỚI
VietstockFinance > Cổ phiếu > Thống kê giao dịch					Thị trường cổ phiếu	Giá	Tính năng mới trên			
					Phân tích tổng quan thị trường cổ phiếu	Thống kê chung về giao dịch	Hướng dẫn sử dụng			
Sàn					Thống kê giao dịch	Đặt lệnh	IPCoM OTC			
HOSE					Thống kê giao dịch cổ phiếu	Thống kê đặt lệnh				
Mã CK/Chỉ số					Trạng thái cổ phiếu	Nước ngoài				
Từ ngày					Trạng thái cổ phiếu	Thống kê giao dịch nhà đầu tư nước ngoài				
Đến ngày					Cổ phiếu chi tiết	Tự doanh				
12/03/2024					Trang thông tin chi tiết về 1 cổ phiếu	Thống kê giao dịch tự doanh				
Thống kê giá					Tâm lý thị trường	Ảnh hưởng chỉ số				
Thống kê đặt lệnh					Nhận định của nhà đầu tư về xu hướng thị trường	Thống kê cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số				
GD khớp lệnh						Biến động cổ phiếu				
					Giao dịch khớp lệnh	Thống kê biến động giá cổ phiếu				

2.4.3. Trạng thái cổ phiếu

Danh sách chi tiết trạng thái các mã chứng khoán trên thị trường, bao gồm:

- Danh sách chứng khoán đang niêm yết / giao dịch
- Danh sách chứng khoán niêm yết mới / đăng ký giao dịch mới
- Danh sách chứng khoán niêm yết bổ sung / đăng ký giao dịch bổ sung
- Danh sách chứng khoán hủy niêm yết / hủy đăng ký giao dịch
- Danh sách chứng khoán theo dõi đặc biệt
- Danh sách chứng khoán không được giao dịch ký quỹ
- Quy mô: khối lượng niêm yết / đăng ký giao dịch và vốn hóa thị trường

Thao tác sử dụng: Vào menu **Cổ phiếu** >> [Trạng thái cổ phiếu](#)



2.4.4. Cổ phiếu chi tiết

Để truy cập vào trang chi tiết doanh nghiệp, bạn thực hiện một trong các cách sau:

- Click vào ô tìm kiếm trên VietstockFinance hoặc Vietstock >> Nhập mã CK
- Vào **Doanh nghiệp A-Z** >> Click vào Mã CK
- Bất cứ nơi nào trên Vietstock có Mã CK gắn link > Click vào link Mã CK

Thông tin Chi tiết doanh nghiệp trình bày được chia thành các nhóm:

• Tổng quan • Thống kê giao dịch • Phân tích kỹ thuật	• Tài chính • Hồ sơ doanh nghiệp • Tin tức & Sự kiện	• DN cùng ngành • Tài liệu • Giao dịch nội bộ	• Trái phiếu
---	--	---	--

Thông tin chung về cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu và phân ngành (gồm 3 cấp theo Hệ thống phân ngành NAICS).
- Thông tin giao dịch ký quỹ, thuộc rổ FTSE Vietnam ETF/VNM ETF/VN30/HNX30.
- Giá realtime, các chỉ số realtime/theo ngày
- Biểu đồ giá chứng khoán.
- Logo và thông tin tóm tắt về doanh nghiệp.

Tổng quan: Tóm tắt thông tin quan trọng về Thống kê giao dịch, Tài chính, Chỉ tiêu kế hoạch và Tình hình thực hiện, Tin tức, Sự kiện cổ tức, thưởng, phát hành thêm, Doanh nghiệp cùng ngành, Báo cáo phân tích, Tỷ lệ cho vay ký quỹ, Tài liệu cổ đông, Thông tin cơ bản.

Thống kê giao dịch: Cung cấp các thông tin:

- Chi tiết khớp lệnh theo lô trong ngày: dữ liệu và biểu đồ.
- Dữ liệu giao dịch khớp lệnh, thỏa thuận, nước ngoài theo ngày.
- Biến động giá giao dịch.
- Khối lượng giao dịch bình quân.
- Thống kê theo kỳ: Tháng/Quý/Năm.

Phân tích kỹ thuật: là biểu đồ phân tích giá, khối lượng, các chỉ báo phân tích kỹ thuật.



Tài chính:

Những con số tài chính doanh nghiệp được trực quan hóa thông qua các biểu đồ, dữ liệu tài chính được [nâng cấp toàn diện](#) với nhiều tùy chọn để phân tích, bao gồm các

thông tin: Biểu đồ, BCTC tóm tắt, Cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ, Chỉ số tài chính, Chỉ tiêu kế hoạch.

a. Biểu đồ: Công cụ phân tích sức khỏe tài chính của doanh nghiệp.

- Trang mặc định hiển thị sẵn 9 biểu đồ, thể hiện sự thay đổi sức khỏe tài chính của doanh nghiệp theo thời gian một cách trực quan: Tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận, biên lợi nhuận, định giá, dòng tiền, hiệu quả sử dụng vốn, tài sản, nguồn vốn, cấu trúc tài sản.
- Nhà đầu tư có thể cá nhân hóa các biểu đồ theo nhu cầu riêng; vẽ mới các biểu đồ với các chỉ tiêu, màu sắc hay số kỳ tùy chọn.

Các thao tác với Biểu đồ

- Thêm trang biểu đồ mới: Click dấu + để tạo thêm trang
- Thêm biểu đồ vào trang
 - ❖ Bước 1: Vào **Danh mục biểu đồ** chọn biểu đồ có sẵn
 - ❖ Bước 2: Click **Cập nhật vào trang** để đưa biểu đồ vào trang hiện hành.

DANH MỤC BIỂU ĐỒ
(x)

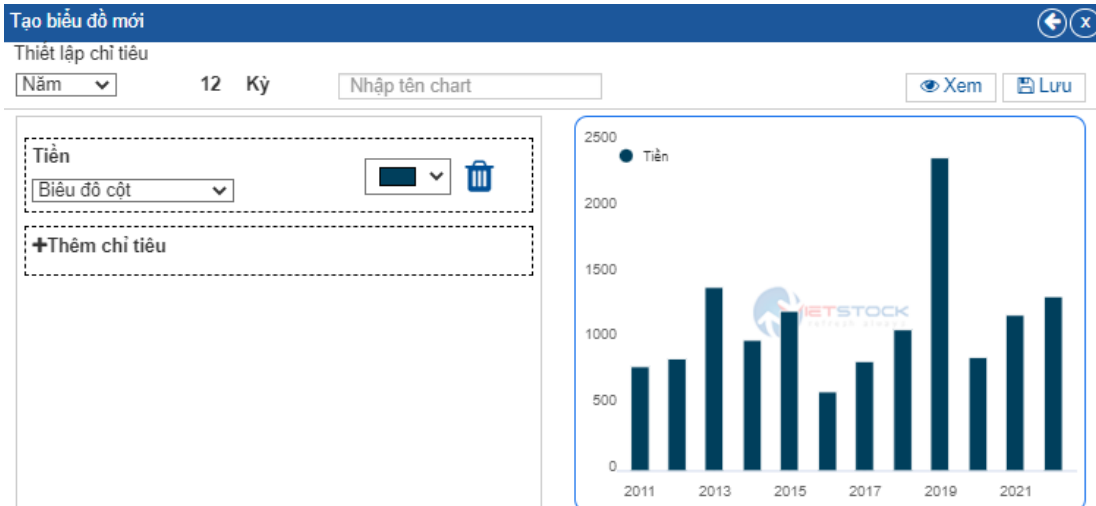
Tất cả Vietstock Cá nhân
+ Tạo biểu đồ mới

Nhập tên biểu đồ để tìm kiếm
Đang chọn 9 biểu đồ

☒ Tăng trưởng doanh thu [Quý] ☒ Biên lợi nhuận [Quý] ☒ Dòng tiền [Quý] ☒ Tài sản [Năm] ☒ Cấu trúc tài sản [Năm]	☒ Tăng trưởng lợi nhuận [Quý] ☒ Định giá [Năm] ☒ Hiệu quả sử dụng vốn [Năm] ☒ Nguồn vốn [Năm]
--	---

Cập nhật vào trang

Cách tạo biểu đồ mới:



- Bước 1: Vào trang biểu đồ
- Bước 2: Thiết lập cho biểu đồ
 - ❖ Chọn Kỳ Năm/Quý/6 tháng/9 tháng, chọn số kỳ
 - ❖ Thêm chỉ tiêu
 - ❖ Chọn loại biểu đồ, chọn màu sắc biểu đồ
 - ❖ Bấm Xem, nếu chưa ưng ý có thể lặp lại các bước trên,
- Bước 3: Nhập tên Biểu đồ, Bấm Lưu

Sửa trang:

- Bấm Sửa trang
- Thay đổi vị trí biểu đồ theo ý thích, xóa biểu đồ theo nhu cầu
- Lưu sửa đổi



b. BCTC Tóm tắt: Xem nhanh các chỉ tiêu chính trên Báo cáo tài chính và chỉ số tài chính của doanh nghiệp

c. Cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ

Thông tin chi tiết về các bảng Cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ trong báo cáo tài chính với các tùy chọn:

- Số kỳ xem, Loại kỳ dữ liệu: Năm, Quý, 9 tháng, 6 tháng
- Đơn vị tính: Nghìn đồng, Triệu đồng, Tỷ đồng
- Thuộc tính kiểm toán: Đã kiểm toán, Soát xét, Chưa kiểm toán
- Thuộc tính hợp nhất: Hợp nhất, Công ty mẹ, Đơn lẻ
- Loại niên độ: Năm tài chính, Năm dương lịch

Các thông tin về BCTC:

- Giai đoạn dữ liệu:
- Thông tin hợp nhất
- Thông tin kiểm toán
- Công ty kiểm toán
- Ý kiến kiểm toán

Xuất dữ liệu:

- Sao chép dữ liệu vào bộ nhớ tạm
- Xuất Excel

d. Chỉ số tài chính:

Cung cấp chỉ số tài chính của doanh nghiệp phân chia theo các nhóm chỉ số:

• Định giá • Sinh lợi • Tăng trưởng	• Thanh khoản • Hiệu quả hoạt động • Đòn bẩy tài chính	• Dòng tiền • Cơ cấu chi phí • Cơ cấu tài sản
---	--	---

e. Chỉ tiêu kế hoạch

Bạn có thể biết được doanh nghiệp đặt kế hoạch kinh doanh hàng năm ra sao, cập nhật tình hình đạt kế hoạch năm gần nhất ... ở ngay ngoài trang chi tiết của một MCK.

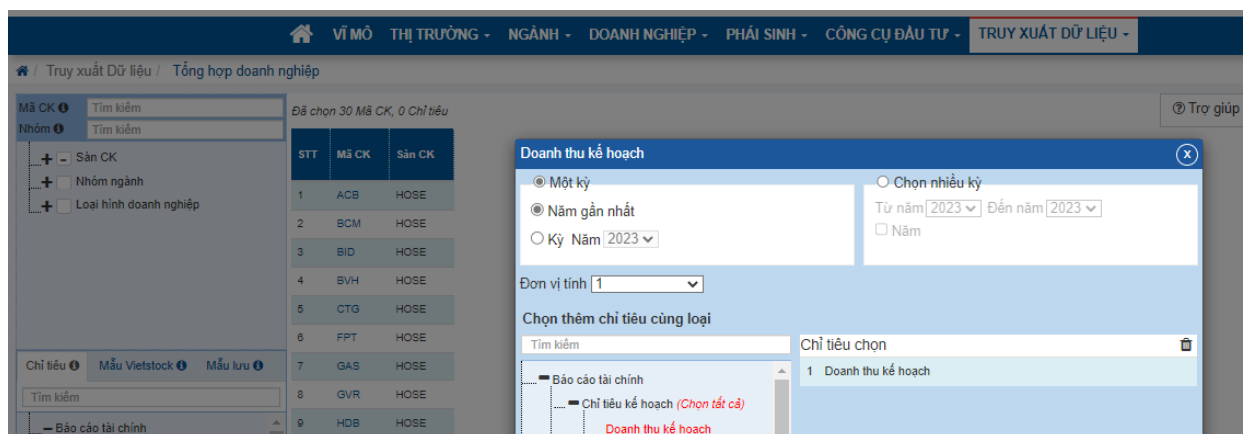
Chỉ tiêu kế hoạch các năm

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu kế hoạch	150,000,000	160,000,000	120,000,000	86,000,000
Lợi nhuận sau thuế kế hoạch	8,000,000		18,000,000	9,000,000

ĐVT: Triệu đồng

Ngoài ra, bạn có thể xuất dữ liệu của mã đang quan sát hoặc lựa chọn truy xuất nâng cao để có thể thu thập dữ liệu kế hoạch kinh doanh của nhiều mã quan tâm khác.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Truy xuất dữ liệu >> Tổng hợp doanh nghiệp >> Báo cáo tài chính >> Chỉ tiêu kế hoạch**



Hồ sơ doanh nghiệp

Tổng quan

Giao dịch

Phân tích kỹ thuật

Tài chính

Hồ sơ doanh nghiệp

Tin tức & Sự kiện

DN cùng ngành

Tài liệu

Giao dịch nội bộ

Trái phiếu

Ban lãnh đạo

#	Họ và tên	Cổ phần ⓘ	Tỷ lệ (%) ⓘ	Tuổi	Năm bắt đầu
1	 Ông Trần Đình Long CTHDQT	1,500,000,000	25.80	63	1992
2	 Ông Trần Tuấn Dương Phó CTHDQT	134,512,700	2.31	61	1992
3	 Ông Đoàn Gia Cường Phó CTHDQT	72,886,209	1.25	61	1999

Niên yết

Ngày giao dịch đầu tiên	15/11/2007
Giá ngày GD đầu tiên	127,000
KL Niêm yết lần đầu	132,000,000
KL Niêm yết hiện tại	5,814,785,700
KL Cổ phiếu đang lưu hành	5,814,785,700
Tư vấn niêm yết	CTCP Chứng khoán Bảo Việt (HNX: BVS)

Hồ sơ doanh nghiệp bao gồm các thông tin:

- Ban lãnh đạo - Cổ đông lớn - Công ty con, liên doanh, liên kết - Vị thế công ty - Chiến lược phát triển - Dự án lớn - Triển vọng công ty - Rủi ro kinh doanh - Sản phẩm dịch vụ chính - Mốc lịch sử	- Thông tin niên yết - Cơ cấu sở hữu - Tổ chức kiểm toán - Thay đổi vốn điều lệ - Đại diện pháp luật - Đại diện công bố thông tin - Cơ cấu lao động - Thông tin thành lập
--	--

Tin tức & sự kiện

Mục Tin tức & Sự kiện cung cấp toàn diện các Tin tức và Sự kiện đáng chú ý của doanh nghiệp kèm thêm biểu đồ trực quan thể hiện giá cổ phiếu cùng mốc đánh dấu các sự kiện cổ tức, phát hành... của từng công ty.

Trong đó, Tin tức được phân loại chuyên nghiệp với nhiều lựa chọn theo từng mã cổ phiếu hoặc doanh nghiệp cùng ngành, theo các chuyên mục Kết quả - Kế hoạch kinh doanh, Cổ tức, Giao dịch cổ đông... Tương tự Lịch sự kiện cũng được phân loại khoa học theo từng loại của một doanh nghiệp (cổ tức tiền mặt, cổ tức cổ phiếu, phát hành, đại hội...) hoặc xem nhanh cho nhiều doanh nghiệp trong cùng ngành.

TIN TỨC

HPG | DOANH NGHIỆP CÙNG NGÀNH

Tin mới nhất

- HPG: CBTT Nghị quyết HĐQT thông qua các nội dung trình ĐHCĐ thường niên năm 2024 (12/03/2024)
- HPG: Bổ nhiệm Bà Lê Minh Thúy đảm nhận vị trí Người phụ trách Kiểm toán nội bộ thay cho Bà Bùi Thị Hải Vân (12/03/2024)
- Hòa Phát lên kế hoạch lãi 10,000 tỷ đồng và phát hành thêm gần 600 triệu cp (12/03/2024)

LỊCH SỰ KIỆN

HPG

Tất cả | Cổ tức tiền | Cổ tức cổ phiếu | Thương | Phát hành thêm

17/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP
17/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:3
31/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP
31/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:35
29/07/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 500 đồng/CP

Doanh nghiệp cùng ngành

Thông tin so sánh về các doanh nghiệp trong cùng ngành với MCK đang xem, có thể linh hoạt lựa chọn các tiêu chí:

- Sàn giao dịch
- Thời gian (chọn ngày dữ liệu)
- Tiêu chí về Giá đóng cửa/Cao nhất/Thấp nhất... lớn hơn/nhỏ hơn mức nào đó
- Xem dạng bảng hoặc Xem biểu đồ tần suất
- Chọn số dòng hiển thị

Tổng quan

Thống kê giao dịch

Phân tích kỹ thuật

Tài chính

Hồ sơ doanh nghiệp

Tin tức & Sự kiện

DN cùng ngành

Tài liệu

Giao dịch nội bộ

Sàn giao dịch: HOSE & HNX (20 doanh nghiệp cùng ngành)

Đóng cửa Lớn hơn 20000 VND

Xem Dạng Bảng Xem Biểu Đồ Tần Suất Xem

Dữ liệu ngày: 17/04/2023

Dữ liệu ngày: 17/04/2023

Mã CK ▲	Đóng cửa	+/- %	Cao nhất	Thấp nhất	Khối lượng	Giá trị	KL NĐTNN Mua	KL NĐTNN Bán	Vốn hóa TT	P/E	P/B
VCB	88,300	-0.11	88,500	87,800	93,200	8,215,000,000	43,500	59,780	417,881,213,219,300	15.19	3.08
ACB	24,900	-0.2	24,950	24,800	407,700	10,143,000,000	0	0	84,098,133,840,600	6.23	1.44
BID	44,600	0.34	44,700	44,400	176,200	7,846,000,000	36,900	48,696	225,610,162,193,600	14.22	2.17
CTG	28,950	-0.52	29,100	28,800	331,200	9,585,000,000	38,000	73,700	139,126,480,130,550	8.34	1.29
SSB	31,150	-0.48	31,350	31,150	165,000	5,152,000,000	0	0	63,555,291,048,200	16.57	2.42

Tài liệu

Tài liệu được phân loại theo: Loại tài liệu (Báo cáo tài chính, Nghị quyết HĐQT, Giải trình KQKD, Báo cáo quản trị, Báo cáo thường niên, Nghị quyết ĐHCĐ, Tài liệu ĐHCĐ, Bản cáo bạch, Tỷ lệ vốn khả dụng, Tài liệu khác) và Kỳ báo cáo (Năm cụ thể).

Tổng quan

Giao dịch

Phân tích kỹ thuật

Tài chính

Hồ sơ doanh nghiệp

Tin tức & Sự kiện

DN cùng ngành

Tài liệu

Giao dịch nội bộ

Trái phiếu

Loại tài liệu

☒ Tất cả
 ☐ Báo cáo tài chính
 ☐ Nghị quyết HĐQT

Kỳ báo cáo

Tất cả

Nghị quyết HĐQT về việc tổ chức họp ĐHCĐ thường niên 2024	20/02/2024 08:08
Báo cáo tình hình quản trị năm 2023	31/01/2024 08:50
Nghị quyết HĐQT về việc thông qua giao dịch với bên có liên quan	29/12/2023 08:15

2.4.5. Tâm lý thị trường

Nhận định của nhà đầu tư về xu hướng thị trường của hai chỉ số chính là VN-Index và HNX-Index.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Cổ phiếu** >> [Tâm lý thị trường](#)

VietstockFinance > Cổ phiếu > Tâm lý thị trường

Phản hồi về dữ liệu
 Mua dữ liệu
 Hướng dẫn sử dụng

Thị trường phiên 2024-03-12
Tăng, Giảm, Đi ngang?

VN-Index 33 33 34

☐ Giảm
 ☒ Đi ngang
 ☐ Tăng

HNX-Index 33 33 34

☐ Giảm
 ☒ Đi ngang
 ☐ Tăng

Dự đoán

Số người dự đoán: 6

Chỉ số

--Tất cả--

Từ ngày

Đến ngày

Xem

2.5. Chứng khoán phái sinh

2.5.1. Hợp đồng tương lai

a. Tổng quan:

VÍ MÔ
 NGÀNH
 DOANH NGHIỆP
 CỔ PHIẾU
 PHÁI SINH
 TRÁI PHIẾU
 CÔNG CỤ ĐẦU TƯ
 XUẤT DỮ LIỆU
 TIN MỚI

VietstockFinance > Phái sinh > Hợp đồng tương lai

Phản hồi về dữ liệu
 Mua dữ liệu
 Hướng dẫn sử dụng

Hợp đồng tương lai
 Hợp đồng tương lai chỉ số VN30

Chứng quyền
 Thị trường chứng quyền có đảm bảo

Tổng quan
 Tổng quan thị trường hợp đồng tương lai

HDTL chi tiết
 Thông tin chi tiết 1 mã hợp đồng tương lai

Thống kê giao dịch
 Thống kê giao dịch thị trường hợp đồng tương lai

Quy định
 Hướng dẫn và quy định về thị trường hợp đồng tương lai

Tính năng m
 Mã công ty
 Ngành

Hợp đồng tương lai chỉ số VN30
 Phương thức giao dịch
 Tổng KLGD
 Tổng GTGD
 OI

Khớp lệnh định kỳ mở cửa	1,235	152	
--------------------------	-------	-----	--

Thao tác sử dụng: Vào menu **Phái sinh** >> **Hợp đồng tương lai** >> [Tổng quan](#)

Tab Tổng quan cung cấp thông tin chung về hợp đồng tương lai chỉ số VN30, gồm:

- Tổng hợp giao dịch và biểu đồ VN30F1M và VN30
- Danh sách hợp đồng tương lai

- Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số VN30
- Tin tức thị trường chứng khoán phái sinh
- Tin tức về các cổ phiếu trong rổ VN30
- Các thông tin/đặc điểm của hợp đồng tương lai chỉ số VN30
- Thị phần môi giới

b. Chi tiết MCK hợp đồng tương lai

Cách truy cập thông tin chi tiết của một mã HĐTL:

- Bấm chọn mã HĐTL cần xem tại Danh sách hợp đồng
- Tại ô tìm kiếm gõ tên mã HĐTL cần tra cứu

Thông tin chi tiết về một mã HĐTL bao gồm:

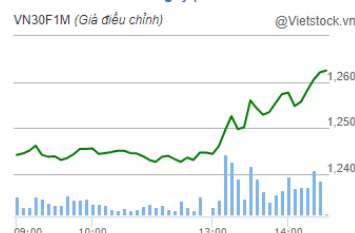
- Giá giao dịch và chỉ số realtime trong ngày (1)
- Biểu đồ giá (2)
- Thanh menu phân loại thông tin: Tổng quan, Thống kê giao dịch, Cổ phiếu ảnh hưởng, Phân tích kỹ thuật, Tin tức (3)

HĐTL chỉ số VN30 01 tháng (HNX: VN30F1M)

VN30 Index Futures 01 month

1,264.5 ↑	Mở cửa	1,242.8	NN mua	4,544
23.50 (1.89%)	Cao nhất	1,262.5	NN bán	3,443
28/02/2024 14:34	Thấp nhất	1,241.4	Cao nhất NY	1,568.0
Đang giao dịch	KLGD	215,588	Thấp nhất NY	578.7
	OI	46,735	KLBO NY	156,550
	Basis	+3.92	Beta	-

Mã xem cùng VN30F1M: HPG VN30F2M VNM VCB MWG
 Trending: HPG (109.042) - NVL (67.876) - VIC (64.810) - MBB (63.350) - VND (58.177)
 1 ngày | Tất cả



Tổng quan: Cung cấp thông tin chung về mã HĐTL gồm Thống kê giao dịch, Thông tin cơ bản, Danh sách hợp đồng đang hoạt động, Thị phần môi giới HĐTL, Tin tức.

Tổng quan	Thống kê giao dịch	Cổ phiếu ảnh hưởng	Phân tích kỹ thuật	Tin tức
-----------	--------------------	--------------------	--------------------	---------

Thống kê giao dịch

Ngày	Mở cửa	Đóng cửa	Cao nhất	Thấp nhất	KL khớp	KL HĐ mở OI	Thay đổi
12/03/2024	1,232.4	1,238.5	1,241.4	1,232.0	141,529	45,582	7.50 (0.61%)
11/03/2024	1,251.2	1,231.0	1,254.6	1,230.8	220,566	43,261	-22.80 (-1.82%)
08/03/2024	1,275.0	1,253.8	1,276.0	1,248.7	341,569	43,905	-19.60 (-1.54%)
07/03/2024	1,267.2	1,273.4	1,278.4	1,264.2	226,526	43,026	6.60 (0.52%)
06/03/2024	1,277.3	1,266.8	1,282.0	1,255.1	248,155	48,307	-11.70 (-0.92%)

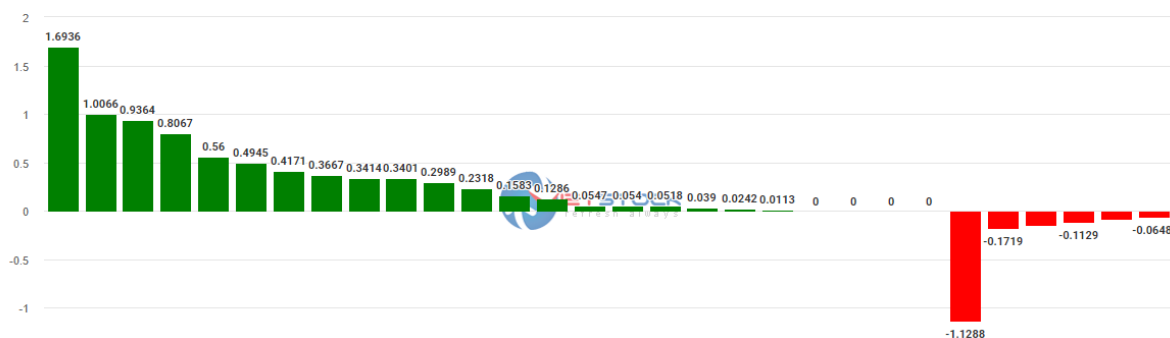
Thông tin cơ bản

Tháng ĐH:	03/2024
Ngày GDCC:	21/03/2024
Ngày TTCC:	22/03/2024
Đơn vị giao dịch:	1 hợp đồng
Tài sản cơ sở:	Chỉ số VN30
Biên độ dao động giá:	+/-7%
Phương pháp xác định	Theo quy định của TTLKCK

Thống kê giao dịch: Thống kê chi tiết dữ liệu giao dịch của mã HĐTL theo thời gian.

Cổ phiếu ảnh hưởng: Chi tiết thông tin các cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm điểm của chỉ số VN30, bao gồm dữ liệu cụ thể về tỷ trọng và % ảnh hưởng trong rổ.

Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN30



Phân tích kỹ thuật: Linh hoạt lựa chọn mã HDTL, các chỉ báo phân tích kỹ thuật, so sánh với mã HDTL khác. Dữ liệu có thể được lưu và cá nhân hóa sử dụng.

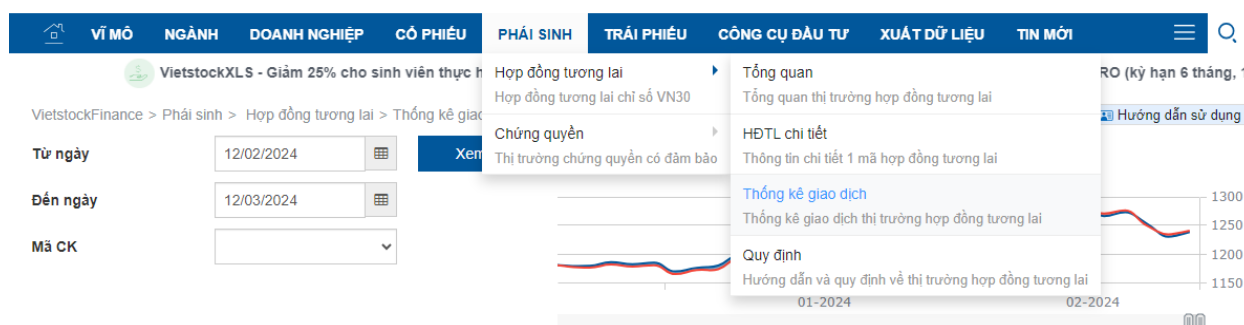


Tin tức: Bao gồm tin tức về thị trường phái sinh và của các MCK nằm trong rổ VN30.

Tổng quan	Thống kê giao dịch	Cổ phiếu ảnh hưởng	Phân tích kỹ thuật	Tin tức
Tin tức 19/04/2023 Chứng khoán phái sinh Ngày 20/04/2023: Chờ đợi tín hiệu ngày đáo hạn phái sinh				Tin tức VN30 20/04/2023 10:01 GVR: Thông báo ngày ĐKCC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

c. **Thống kê giao dịch:** Thống kê thông tin giao dịch của các mã HDTL toàn thị trường theo thời gian được chọn.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Phái sinh >> Hợp đồng tương lai >> [Thống kê giao dịch](#)**



The screenshot shows the VietstockFinance website interface. The top navigation bar includes links for VÍ MÔ, NGÀNH, DOANH NGHIỆP, CỔ PHIẾU, PHÁI SINH, TRÁI PHIẾU, CÔNG CỤ ĐẦU TƯ, XUẤT DỮ LIỆU, and TIN MỚI. The 'PHÁI SINH' (Derivatives) menu is expanded, showing options for Hợp đồng tương lai (Futures), Chứng quyền (Warrants), and Thị trường chứng quyền có đảm bảo (Guaranteed Warrant Market). The 'Hợp đồng tương lai' menu is further expanded, showing options for Tổng quan (Overview), HDTL chi tiết (Futures Details), **Thống kê giao dịch** (Trading Statistics), and Quy định (Regulations). The 'Thống kê giao dịch' option is highlighted.

d. Kiến thức/ Quy định

Kiến thức là kiến thức cơ bản về HĐTL bao gồm định nghĩa cơ bản, tài sản cơ sở, so sánh với chứng khoán cơ sở, quy trình giao dịch, hoạt động ký quỹ...

Thao tác sử dụng: Vào menu **Phái sinh >> Hợp đồng tương lai >> [Kiến thức/Quy định](#)**



Quy định bao gồm quy định chi tiết về giao dịch HĐTL áp dụng tại thị trường Việt Nam:

Kiến thức		Quy định
STT	Đặc điểm	Mô tả chi tiết
1	Tên hợp đồng	Hợp đồng tương lai chỉ số VN30
2	Mã hợp đồng	Theo quy ước xác định của HNX, ví dụ VN30F1709
3	Tài sản cơ sở	Chỉ số VN30
4	Quy mô hợp đồng	100.000 đồng x điểm chỉ số VN30
5	Hệ số nhân hợp đồng	100,000 VND

2.5.2. Chứng quyền

a. Tổng quan: Tổng quan về thị trường chứng quyền gồm các thông tin sau:

- Thông tin thị trường Chứng quyền và bản đồ thị trường
- Danh sách các chứng quyền
- Thông tin chung về cơ chế hoạt động của thị trường chứng quyền
- Thống kê lãi chứng quyền đáo hạn
- Tin tức về thị trường chứng quyền
- Tin tức về thị trường chứng khoán cơ sở
- Tin tức về tổ chức phát hành chứng quyền

VÍ MÔ

NGÀNH

DOANH NGHIỆP

CÓ PHIẾU

PHẢI SINH

TRÁI PHIẾU

CÔNG CỤ ĐẦU TƯ

XUẤT DỮ LIỆU

TIN MỚI

Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai chỉ số VN30

Chứng quyền

Thị trường chứng quyền có đảm bảo

Tổng quan

Tổng quan thị trường chứng quyền

Chứng quyền chi tiết

Thông tin chi tiết 1 mã chứng quyền

Thống kê giao dịch

Thống kê giao dịch thị trường chứng quyền

Định giá

Tính toán định giá chứng quyền theo công thức BlackScholes

VietstockFinance > Phải sinh > Chứng quyền

Phản hồi về dữ liệu

Mua dữ liệu

Hướng dẫn sử dụng

Thông tin thị trường Chứng quyền

GTGD

37,673.00

Vốn hóa

Tổ chức PH

CK

KLGD

44,950.40

Số lượng CW

178

Vốn hóa

1,655,952.00

KL niêm yết

1,459,000

Phản hồi về dữ liệu

Mua dữ liệu

Hướng dẫn sử dụng

Thông tin thị trường Chứng quyền

GTGD

37,673.00

Vốn hóa

Tổ chức PH

CK

KLGD

44,950.40

Số lượng CW

178

Vốn hóa

1,655,952.00

KL niêm yết

1,459,000

b. Chi tiết mã chứng quyền:

Cách truy cập thông tin chi tiết của một mã chứng quyền:

- Bấm chọn mã chứng quyền tại Danh sách các chứng quyền ở tab Tổng quan
- Tại ô tìm kiếm gõ tên mã chứng quyền cần tra cứu

Thông tin chi tiết về một mã chứng quyền bao gồm:

- Giá giao dịch và các chỉ số realtime trong ngày
- Biểu đồ giá
- Thanh menu phân loại thông tin: Tổng quan, Thống kê giao dịch, Tin tức, PTKT, Chứng khoán cơ sở, Tổ chức phát hành, CW khác (CW cùng chứng khoán cơ sở hoặc CW cùng tổ chức phát hành), Định giá BlackScholes.

1,710 ↓

-90 (-5%)

12/03/2024 13:44

Đang giao dịch

Mở cửa

1,740

KLGD

260,100

Giá CK cơ sở

26,700

Cao nhất

1,740

NN mua

-

Giá thực hiện

25,000

Thấp nhất

1,700

NN bán

-

Hòa vốn **

28,420

Cao nhất NY

2,620

KLCPLH

5,000,000

S-X *

1,700

Thấp nhất NY

1,500

Số ngày đến hạn

99

Trạng thái CW

ITM

CACB2401 (Giá điều chỉnh)

@Vietstock.vn

1,725

1,700

1,675

09:45

10:20

10:50

13:35

(*)S-X là giá chứng khoán cơ sở - giá thực hiện điều chỉnh; (**)Hòa vốn = Giá thực hiện điều chỉnh + Giá CW * Tỷ lệ chuyển đổi điều chỉnh

Tổng quan

Thống kê giao dịch

Tin tức

Phân tích kỹ thuật

CK cơ sở

Tổ chức PH

CW khác

BlackScholes

c. Thống kê giao dịch: Thống kê thông tin giao dịch của các mã chứng quyền toàn thị trường theo thời gian được chọn.

VÍ MÔ

NGÀNH

DOANH NGHIỆP

CÓ PHIẾU

PHẢI SINH

TRÁI PHIẾU

CÔNG CỤ ĐẦU TƯ

XUẤT DỮ LIỆU

TIN MỚI

Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai chỉ số VN30

Chứng quyền

Thị trường chứng quyền có đảm bảo

Tổng quan

Tổng quan thị trường chứng quyền

Chứng quyền chi tiết

Thông tin chi tiết 1 mã chứng quyền

Thống kê giao dịch

Thống kê giao dịch thị trường chứng quyền

Định giá

Tính toán định giá chứng quyền theo công thức BlackScholes

VietstockFinance > Phải sinh > Chứng quyền > Thống kê giao dịch

Phản hồi về dữ liệu

Mua dữ liệu

Hướng dẫn sử dụng

Mã CW

Từ ngày

12/02/2024

Đến ngày

12/03/2024

Excel

Thống kê giá

Thống kê đặt lệnh

GD khớp lệnh NĐTNN

GD thỏa thuận NĐTNN

STT

Ngày

Mã CK

Tổ chức phát hành CW

Ngày GDCC

Tham chiếu

Mở cửa

Đóng cửa

Cao nhất

Thấp nhất

Trung bình

Thay đổi

GD Khớp lệnh

GD thỏa thuận

Tổng giao dịch

Vốn hóa thị

Tỷ lệ chuyển đổi điều

Vietstock | VietstockFinance

33

d. Bảng tính giá chứng quyền BlackScholes: Bảng tính giá chứng quyền theo công thức Black Scholes dựa trên các yếu tố về độ biến động giá quá khứ của chứng khoán cơ sở, Giá thực hiện chứng quyền khi đáo hạn, Tỷ lệ chuyển đổi, Độ biến động giá kỳ vọng...



2.6. Trái phiếu

2.6.1. Tổng quan thị trường trái phiếu



Thao tác sử dụng: Vào menu **Trái phiếu** >> **Trái phiếu doanh nghiệp** >> [Tổng quan](#)

Tab Tổng quan cung cấp thông tin chung về trái phiếu, gồm:

- Tổng hợp giao dịch và biểu đồ thống kê giao dịch
- Chi tiết thống kê giao dịch
- Thông tin đăng ký giao dịch
- Thay đổi đăng ký giao dịch
- Tin thị trường và thông tin công bố

2.6.2. Tổ chức phát hành

Tổ chức phát hành cung cấp danh sách doanh nghiệp phát hành trái phiếu được phân loại theo ngành, sàn giao dịch, loại hình doanh nghiệp và danh sách tổ chức lưu ký được phân loại theo mã chứng khoán, sàn giao dịch, trạng thái.

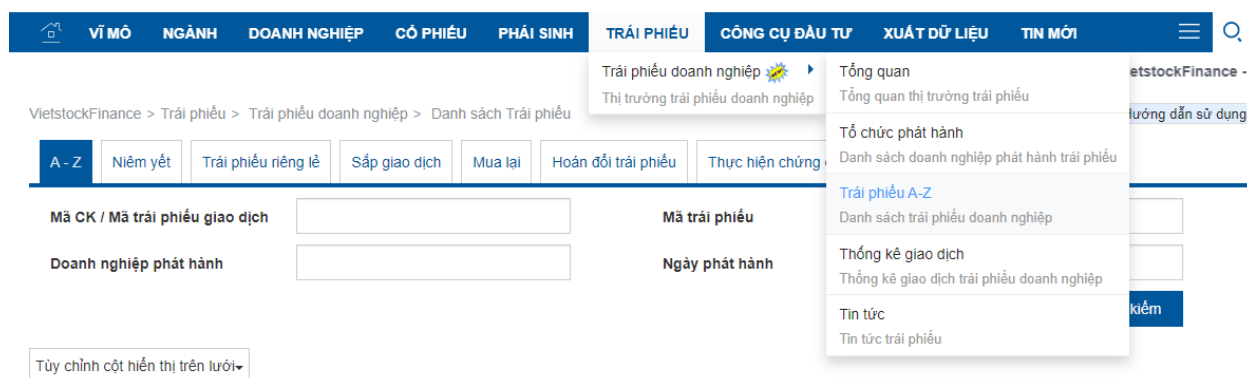
Thao tác sử dụng: Vào menu **Trái phiếu** >> **Trái phiếu doanh nghiệp** >> [Tổ chức phát hành](#)



2.6.3. Trái phiếu A-Z

Trái phiếu A-Z thống kê danh sách sách đầy đủ các trái phiếu niêm yết, trái phiếu riêng lẻ, trái phiếu sắp giao dịch, mua lại, hoán đổi trái phiếu, thực hiện chứng quyền, trái phiếu hủy đăng ký / hết hiệu lực.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Trái phiếu** >> **Trái phiếu doanh nghiệp** >> [Trái phiếu A-Z](#)



2.6.4. Thống kê giao dịch

Thống kê thông tin giao dịch của các mã trái phiếu toàn thị trường theo thời gian được chọn.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Trái phiếu** >> **Trái phiếu doanh nghiệp** >> [Thống kê giao dịch](#)

[Trái phiếu](#)
[CÔNG CỤ ĐẦU TƯ](#)
[XUẤT DỮ LIỆU](#)
[TIN MỚI](#)

VietstockFinance > Trái phiếu > Trái phiếu doanh nghiệp > Thống kê giao dịch

Mã CK: Ngày:

	Giao dịch khớp lệnh				Giao dịch thỏa thuận	
	Khối lượng	%	Giá trị	%	Khối lượng	%
Toàn thị trường	200,889	4.93%	20,766,838	5.07%	3,869,876	95.07%

Tổng số 64 bản ghi

Trang 1/4 | 20 dòng/trang

2.6.5. Tin tức

Mục tin tức cung cấp tất cả các thông tin liên quan đến thị trường trái phiếu, bao gồm các thông tin định kỳ, tin bất thường, tin thị trường, tin đăng ký giao dịch và thay đổi đăng ký giao dịch, tin khác.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Trái phiếu >> Trái phiếu doanh nghiệp >> Tin tức**

VÍ MÔ
NGÀNH
DOANH NGHIỆP
CÓ PHIẾU
PHẢI SINH
TRÁI PHIẾU
CÔNG CỤ ĐẦU TƯ
XUẤT DỮ LIỆU
TIN MỚI

Trái phiếu doanh nghiệp
Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Tổng quan
Tổng quan thị trường trái phiếu
Tổ chức phát hành
Danh sách doanh nghiệp phát hành trái phiếu
Trái phiếu A-Z
Danh sách trái phiếu doanh nghiệp
Thống kê giao dịch
Thống kê giao dịch trái phiếu doanh nghiệp
Tin tức
Tin tức trái phiếu

VietstockFinance > Trái phiếu > Trái phiếu doanh nghiệp > Tin tức

Tất cả
Tin định kỳ
Tin bất thường
Tin khác
Tin thị trường
Đăng ký giao dịch
Thay đổi đăng ký

Từ ngày

12/03/2024

CBTT về việc đăng ký giao dịch trái phiếu MBSH2327002 của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

12/03/2024

CBTT về việc đăng ký giao dịch trái phiếu MBSH2327001 của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

11/03/2024

Thông báo về việc tạm ngừng giao dịch đối với trái phiếu TLPCH2126001 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện

2.7. Công cụ đầu tư

2.7.1. Bản đồ thi trường

Bản đồ thị trường: là bản đồ nhiệt (heat map) phân tích nhanh toàn cảnh thị trường về biến động giá và một số tiêu chí linh hoạt khác. Thiết kế bao gồm các khu vực thông tin:

- (1) Menu điều khiển, linh hoạt lựa chọn các tiêu chí phân tích
- (2) Khu vực hiển thị Biểu đồ
- (3) Thông tin về thị trường hoặc mã chứng khoán bạn đang quan tâm
- (4) Thống kê số mã theo phân loại về mức biến động giá
- (5) Tìm kiếm mã CK giúp phóng to biểu đồ tới mã bạn quan tâm

VIX 18,200 ▲50 (0.28%)

CTCP Chứng khoán VIX

Ngành: Tài chính và bảo hiểm

Vốn hóa TT 12,183.89

Cổ tức bằng tiền mặt 0

Giá tham chiếu 18,150

Giá trần 19,400

Giá sàn 16,900

Giá mở cửa 18,300

GTGD 498.11

KLGD 26.97

GTGD thỏa thuận 0.00

KLGD thỏa thuận 0.00

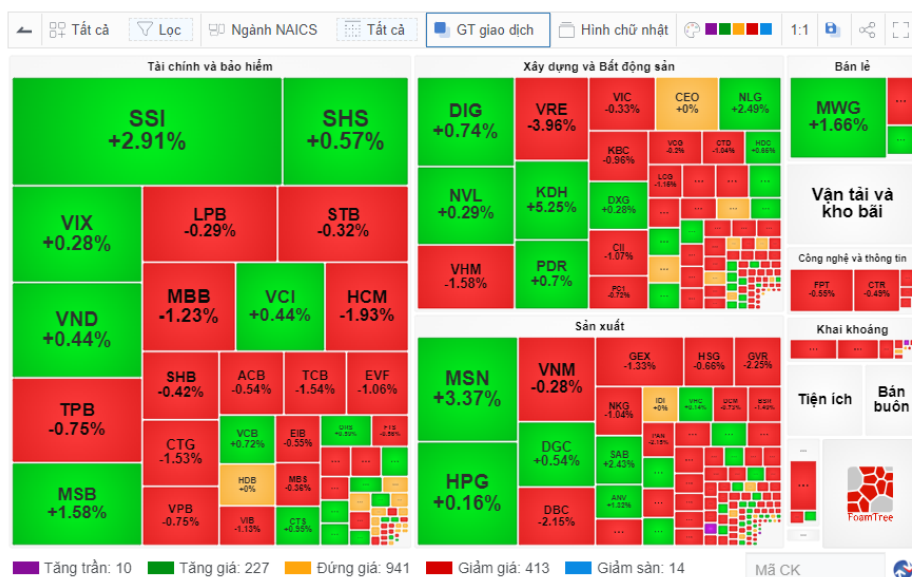
KL NĐTNN Mua 3.17

KL NĐTNN Bán 0.86

GT NĐTNN Mua 58.60

GT NĐTNN Bán 15.96

KLGD: triệu CP - Vốn hóa, GTGD: tỷ đồng



Thanh menu Bản đồ thị trường có các thông số tùy chỉnh:

- **Chọn nguồn danh sách mã:** Chọn MCK theo sàn hoặc từng MCK để hiển thị
- **Phân nhóm hiển thị:** Các tùy chọn phân nhóm mã CK theo Ngành, Sàn, Vốn hóa, Không phân nhóm; và xem chi tiết từng nhóm.
- **Chỉ tiêu phân tích:** Vốn hóa, các chỉ tiêu giá trị, khối lượng, thỏa thuận, khớp lệnh, khối ngoại, giá,... (là kích thước diện tích mỗi ô trong biểu đồ).
- **Hình dạng** mỗi ô: Hình chữ nhật, hình đa giác, hình tròn.
- **Màu sắc:** Nhiều tùy chọn tông màu.
- **Tỷ lệ:** Tỷ lệ chuẩn là 1:1. Có thể chọn 0.5, 0.25 để giảm kích thước của MCK lớn, giúp MCK nhỏ hiển thị rõ hơn.
- **Tải ảnh:** Tải ảnh về máy của bạn.
- **Chia sẻ:** Sao chép đường dẫn (copy link) để chia sẻ, Chia sẻ Facebook.

2.7.2. Bảng giá trực tuyến

Bảng giá cung cấp thông tin giao dịch (giá, khối lượng) theo thời gian thực (realtime) tất cả các chứng khoán trên 3 sàn HOSE, HNX, UPCoM bao gồm cả cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, chứng quyền, hợp đồng tương lai.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> [Bảng giá trực tuyến](#)

https://banggia.vietstock.vn

VN-INDEX

1,048.19

↑ 6.83 (+0.65%)

521,276,624 CP

8,873,582 Tỷ

↑ 82 (7) ↓ 82 ↓ 252 (0)

HNX-INDEX

206.00

↑ 2.25 (+1.08%)

58,220,300 CP

852,994 Tỷ

↑ 57 (9) ↓ 188 ↓ 96 (10)

UPCOM-INDEX

78.26

↑ 0.47 (+0.60%)

21,216,895 CP

312,505 Tỷ

↑ 113 (15) ↓ 623 ↓ 119 (7)

VN30-INDEX

1,056.38

↑ 6.17 (+0.77%)

138,164,101 CP

3,126,231 Tỷ

↑ 5 (0) ↓ 1 ↓ 24 (0)

HNX30-INDEX

370.30

↑ 5.17 (+1.38%)

38,173,600 CP

639,397 Tỷ

↑ 5 (0) ↓ 5 ↓ 20 (1)

14:30:05 19/04/2023

Vietstock

VietstockFinance

StockChart

NHẬP MÃ CK...

Danh mục ▾

HOSE

VN30

HNX

HNX30

UPCOM

Chứng quyền

Phái sinh

Hiện biểu đồ ▾

Mã CK	TC	Trần	Sàn	Bên mua				Khớp lệnh				Bên bán				Tổng KL	Giá			ĐTN					
				Giá 3	KL 3	Giá 2	KL 2	Giá 1	KL 1	Giá	KL	±%	%	Giá 1	KL 1		Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3	Cao	Thấp	TB	Mua	Bán
ACB	24.75	26.45	23.05	24.35	30.70	24.40	138.00	24.45	1.30	24.45	40	-0.30	-1.2%	24.50	74.30	24.55	71.70	24.60	23.60	4,309.50	24.80	24.40	24.57	200.00	200.00
BCM	79.50	85.00	74.00	78.50	5.70	78.60	3.00	78.70	2.70	78.80	10	-0.70	-0.9%	79.40	2.10	79.50	1.40	79.60	1.20	25.50	79.50	78.60	78.93	2.20	17.10
BID	44.60	47.70	41.50	44.30	2.30	44.35	1.10	44.40	14.30	44.45	10	-0.15	-0.3%	44.45	1.50	44.50	7.80	44.55	3.10	433.00	44.75	44.20	44.39	8.90	105.10
BVH	47.00	50.20	43.75	46.15	1.40	46.20	2.70	46.25	12.00	46.25	10	-0.75	-1.6%	46.30	6.00	46.35	40	46.40	90	310.20	47.10	46.25	46.67	3.71	94.27
CTG	29.10	31.10	27.10	28.65	28.80	28.70	134.70	28.75	14.70	28.75	50	-0.35	-1.2%	28.80	51.60	28.85	4.50	28.90	11.80	1,471.20	29.15	28.65	28.84	36.40	598.80
FPT	79.40	84.90	73.90	79.10	26.40	79.20	22.40	79.30	15.20	79.30	30	-0.10	-0.1%	79.40	5.00	79.50	69.00	79.60	27.80	380.40	79.80	79.30	79.44	4.30	26
GAS	96.80	103.50	90.10	95.40	30	95.50	1.20	95.60	5.00	95.50	10	-1.30	-1.3%	95.60	3.40	95.70	1.50	95.80	3.20	313.50	97.80	95.10	96.23	8.70	96.20
GVR	15.50	16.55	14.45	15.00	95.50	15.05	71.10	15.10	1.00	15.05	60	-0.45	-2.9%	15.20	2.30	15.25	7.80	15.30	24.80	1,261.60	15.65	15.05	15.40	20.60	92.80
HDB	19.35	20.70	18.00	19.00	132.10	19.05	60.50	19.10	30.90	19.15	10	-0.20	-1.0%	19.15	4.90	19.20	21.60	19.25	51.20	1,123.80	19.35	19.10	19.18	428.20	507.70
HPG	20.95	22.40	19.50	20.70	252.60	20.75	352.40	20.80	337.80	20.85	10	-0.10	-0.5%	20.85	103.90	20.90	356.30	20.95	457.30	10,030.70	21.05	20.80	20.92	3,232.82	1,040.14

2.7.3. Sức mạnh giá RRG

Biểu đồ Sức mạnh giá và dòng tiền (Relative Rotation Graph, RRG) giúp nhà đầu tư nhận biết sự dịch chuyển dòng tiền trên thị trường một cách sinh động.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> **Sức mạnh giá RRG**

VietstockFinance > Công cụ đầu tư > Sức mạnh giá RRG

Biểu đồ Sức mạnh giá RRG là biểu đồ giúp nhà đầu tư nhận biết sự dịch chuyển dòng tiền trên thị trường

Mã CK | Ngành | Chuyển động | Hướng dẫn | - | +

Tích lũy

Y-axis: r (đồng (VS-Mom))

X-axis: (không rõ)

Biểu đồ hiển thị các đường màu xanh, đỏ, và tím trên nền lưới.

CÔNG CỤ ĐẦU TƯ

- Bản đồ thị trường
- Phân tích trực quan toàn diện thị trường cổ phiếu
- Bảng giá trực tuyến
- Bảng giá chứng khoán: cổ phiếu, chứng quyền, hợp đồng tương lai
- Sức mạnh giá RRG**
- Biểu đồ sức mạnh giá RRG
- Phân tích kỹ thuật
- Biểu đồ và các chỉ báo phân tích kỹ thuật
- Bộ lọc cổ phiếu
- Bộ lọc cổ phiếu tìm kiếm cơ hội đầu tư
- So sánh cổ phiếu
- So sánh cổ phiếu
- Báo cáo phân tích
- Trang báo cáo phân tích từ các tổ chức phân tích uy tín

XUẤT DỮ LIỆU

VietstockXLS - C

Đồng dẫn sử dụng

Tùy chỉnh

Thay đổi

1,500 (1.36%)

500 (0.53%)

Biểu đồ được hình thành bởi hai trục Sức mạnh giá (VS-RS) và Động lượng tăng trưởng (VS-Mom), giúp nhà đầu tư tìm các cổ phiếu mạnh hơn thị trường (outperform): tăng nhiều hơn khi thị trường tăng (bull market) và giảm ít hơn khi thị trường giảm (bear market). RRG cũng giúp tránh các cổ phiếu yếu hơn thị trường chung (underperform) vốn có đặc tính là tăng ít hơn khi thị trường tăng và giảm nhiều hơn khi thị trường giảm.

Các trạng thái cơ bản:

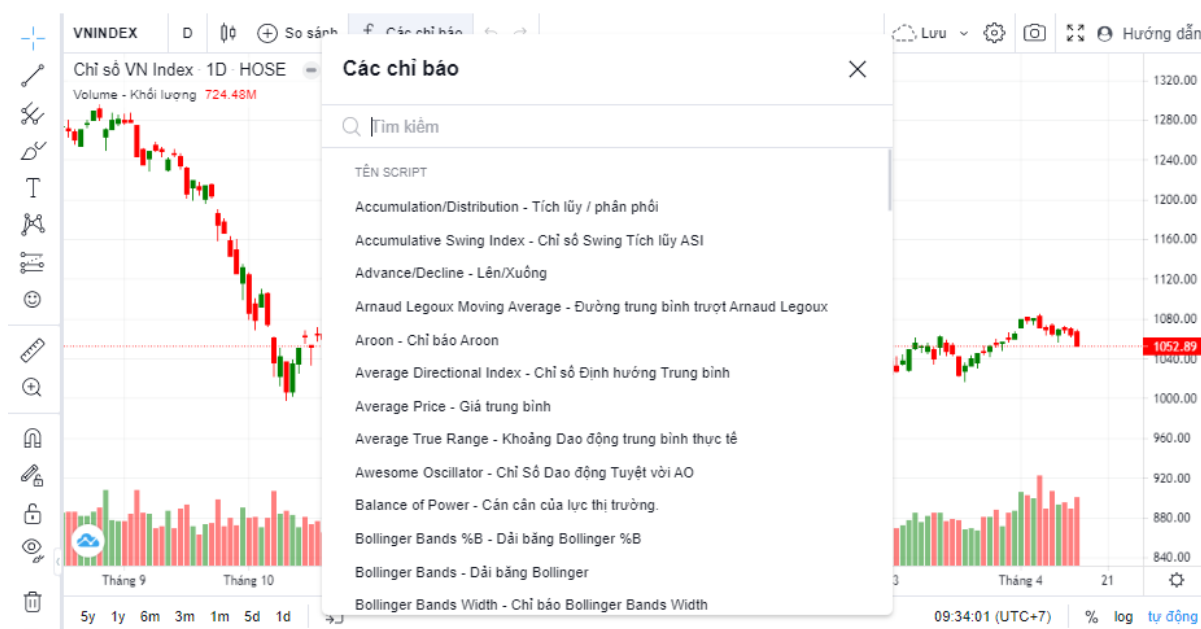
- **Tăng trưởng (Leading):** Giá nằm trong góc phần tư tăng trưởng khi VS-RS và VS-Mom đều nằm trên 100.
- **Suy yếu (Weakening):** Giá nằm trong góc phần tư suy yếu khi VS-RS nằm trên 100 nhưng VS-Mom đã rơi xuống dưới 100.

- Giảm giá (Lagging): Giá nằm trong góc phần tư giảm giá khi VS-RS và VS-Mom đều dưới 100.
- Tích lũy (Improving): Giá nằm ở góc phần tư tích lũy khi VS-RS dưới 100, nhưng VS-Mom di chuyển trên 100.

Các nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem biểu đồ theo khung thời gian là tuần (weekly), nhà đầu tư trung và dài hạn có thể theo khung thời gian là tháng (monthly). Việc thay đổi mã cổ phiếu/chỉ số ngành theo dõi có thể thực hiện ở mục Tùy chỉnh.

2.7.4. Phân tích kỹ thuật

Stockchart là công cụ phân tích kỹ thuật chuyên sâu với dữ liệu trực tuyến được cung cấp bởi Vietstock và các tính năng được cung cấp bởi TradingView.



- Hỗ trợ nhiều trình duyệt, trên nhiều nền tảng thiết bị khác nhau: Chrome, Edge, Safari... trên laptop, mobile...
- Đồng bộ hóa đa thiết bị: Tự động đồng bộ hóa các mẫu đồ thị phân tích trên mọi thiết bị truy cập khi đăng nhập tài khoản VietstockID.
- Linh hoạt lựa chọn nhiều loại dữ liệu, khung thời gian khác nhau.
- Sao lưu dữ liệu trực tuyến: Cho phép lưu các đồ thị và mẫu phân tích không giới hạn số lượng.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> [Phân tích kỹ thuật](#) hoặc [tại đây](#).



2.7.5. Bộ lọc cổ phiếu

Bộ lọc cổ phiếu cung cấp các tiêu chí để sàng lọc tìm cổ phiếu tiềm năng, hỗ trợ ra quyết định đầu tư.

Đặc điểm nổi bật:

- Bộ tiêu chí lọc đa dạng: Bao gồm dữ liệu cơ bản, tài chính, giao dịch, kỹ thuật. Dữ liệu được số hóa đa dạng cung cấp toàn diện chỉ tiêu cho bộ lọc.
- Đơn giản hóa thao tác: Có sẵn mẫu lọc, mẫu hiển thị phổ biến nhất.
- Cá nhân hóa: Bạn có thể tự tạo và lưu sẵn Mẫu lọc, Mẫu hiển thị tùy ý và lưu lại cho lần sử dụng sau.
- Giao diện tối ưu, trực quan, tính năng tiện dụng để tối đa không gian trải nghiệm.

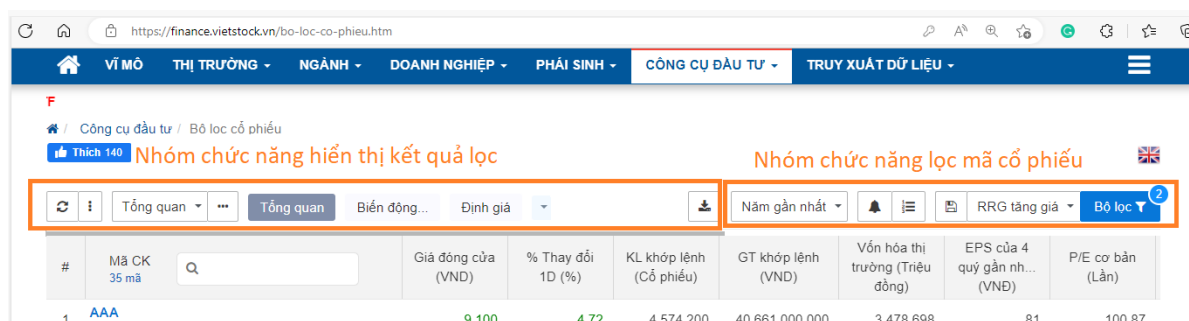
Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> [Bộ lọc cổ phiếu](#)



#	Mã CK 25 mã	Giá đóng cửa (VND)	Vốn hóa thị trường (Triệu đồng)	EPS quý g (V)
1	CSV CTCP HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM (HOSE)	60,200	2,660,840	
2	CTR TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL (HOSE)	116,800	13,348,832	
3	D2D CTCP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2 (HOSE)	37,350	1,130,201	

Khi lần đầu mở **Bộ lọc cổ phiếu**, VietstockFinance đã hiển thị sẵn mẫu lọc mặc định.

Để sử dụng bộ lọc, bạn thực hiện thao tác 2 nhóm chức năng: lọc và hiển thị.



Nhóm 1: Nhóm chức năng lọc mã cổ phiếu:

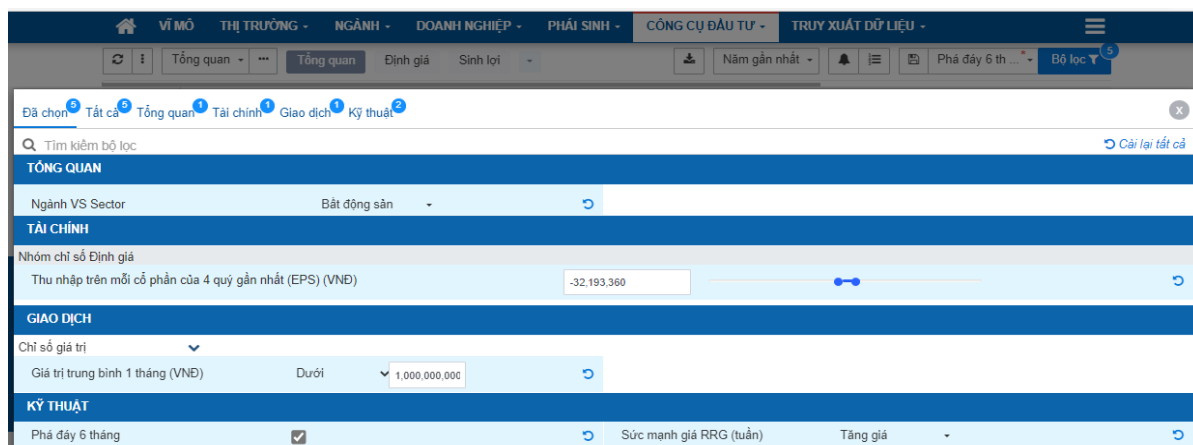
Để lọc cổ phiếu, bạn có thể chọn một trong hai cách:

Cách lọc 1: Chọn **Mẫu lọc** bạn quan tâm trong **Bộ lọc mẫu Vietstock**

#	Mã CK 5 mã	Giá đóng cửa (VND)	Vốn hóa thị trường (Triệu đồng)	EPS của 4 quý gần nh... (VND)	BVPS cơ bản (VND)	P/E cơ bản (Lần)	P/B cơ bản (Lần)	P/S (Lần)	D
1	BCR CTCP BCG LAND (UPCOM)	5,700	2,622,000	198	12,870	51.55	0.79	4.97	
2	DDG CTCP ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ... (HNX)	5,100	407,183	-3,212	9,804	-1.77	0.58	0.52	
3	KPF CTCP ĐẦU TƯ TÀI SẢN KOJI (HOSE)	4,500	273,903	29	13,035	188.43	0.41	326.86	

Cách lọc 2: Tự tạo mẫu lọc tùy ý và lưu lại cho lần sau:

- Bước 1: Trên menu bấm **Bộ lọc**, chọn tiêu chí và giá trị lọc cho từng tiêu chí. Trong đó:
 - ❖ **Đã chọn:** Thống kê các chỉ tiêu bạn đã chọn
 - ❖ **Tất cả:** Thống kê tất cả các chỉ tiêu có thể lọc theo phân nhóm: **Tổng quan, Tài chính, Giao dịch, Kỹ thuật**
- Bước 2: Click **Đóng bộ lọc** để xem hiển thị
- Bước 3: Lưu mẫu lọc để sử dụng cho lần sau



Nhóm 2: Nhóm thao tác tùy chỉnh hiển thị:

- Chọn **Mẫu hiển thị** có sẵn của Vietstock
- Tự tạo mẫu hiển thị và lưu Mẫu hiển thị cho lần sau
- Tùy chỉnh thời gian làm mới hiển thị
- Tải kết quả lọc

2.7.6. So sánh cổ phiếu

Công cụ so sánh cổ phiếu cho phép người dùng so sánh các cổ phiếu với nhau dựa trên các tiêu chí sau: thay đổi giá, giá cao nhất / thấp nhất, khối lượng giao dịch, giá trị giao dịch, KL NĐTNN Mua, KL NĐTNN Bán, Vốn hóa TT, P/E, P/B.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> [So sánh cổ phiếu](#)

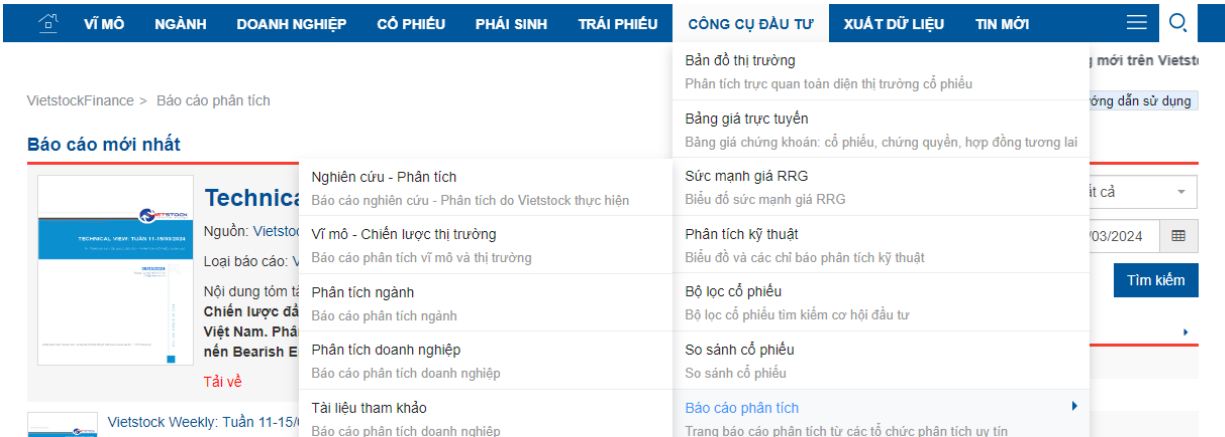


VietstockFinance > Công cụ đầu tư > So sánh cổ phiếu

Mã CK:

Mã CK	Sàn	Giá	Thay đổi	Cao nhất	Thấp nhất	Khối lượng
VNM	HOSE	70,200	-100 (-0.14%)	70,600	70,100	2,647,800

2.7.7. Báo cáo phân tích



VietstockFinance > Báo cáo phân tích

Báo cáo mới nhất

- Technical Analysis**
 - Nghiên cứu - Phân tích
 - Báo cáo nghiên cứu - Phân tích do Vietstock thực hiện
 - Vĩ mô - Chiến lược thị trường
 - Báo cáo phân tích vĩ mô và thị trường
 - Phân tích ngành
 - Báo cáo phân tích ngành
 - Phân tích doanh nghiệp
 - Báo cáo phân tích doanh nghiệp
 - Tài liệu tham khảo
 - Báo cáo phân tích doanh nghiệp
- Sức mạnh giá RRG**
 - Biểu đồ sức mạnh giá RRG
- Phân tích kỹ thuật**
 - Biểu đồ và các chỉ báo phân tích kỹ thuật
- Bộ lọc cổ phiếu**
 - Bộ lọc cổ phiếu tìm kiếm cơ hội đầu tư
- So sánh cổ phiếu**
 - So sánh cổ phiếu
- Báo cáo phân tích**
 - Trang báo cáo phân tích từ các tổ chức phân tích uy tín

Báo cáo phân tích cung cấp báo cáo phân tích và các tư liệu tham khảo từ nguồn trong và ngoài nước phong phú, giúp nhà đầu tư có cái nhìn sâu rộng về vấn đề mình quan tâm trong lĩnh vực chứng khoán.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> [Báo cáo phân tích](#):

- Bước 1: Tìm kiếm (Nhập từ khóa tìm kiếm là MCK hoặc nội dung tìm kiếm)
- Bước 2: Tùy chọn nguồn phát hành báo cáo
- Bước 3: Tùy chọn thời gian tìm kiếm
- Bước 4: Xem kết quả và chọn đọc báo cáo mình quan tâm.

Ngoài ra, Báo cáo phân tích còn được phân loại theo:

- Báo cáo của Vietstock
- Báo cáo vĩ mô
- Báo cáo ngành
- Phân tích doanh nghiệp

2.8. Truy xuất dữ liệu

Truy xuất dữ liệu là công cụ truy xuất dữ liệu toàn diện từ vĩ mô, ngành đến từng doanh nghiệp:

- Dữ liệu đầy đủ, chính xác, toàn diện và cập nhật: Hỗ trợ nhà đầu tư khám phá truy xuất cơ sở dữ liệu của hơn 3,000 doanh nghiệp trên các sàn HOSE, HNX, UPCoM và cả đại chúng chưa niêm yết.
- Thiết kế toàn diện “all in one”: Tích hợp tất cả các dữ liệu tài chính, thuận tiện tối đa cho người dùng trong việc khai thác và liên kết các bảng dữ liệu, tiết kiệm thời gian xử lý.
- Linh hoạt lựa chọn nhiều loại dữ liệu, khung thời gian khác nhau, dữ liệu liên kết thông minh.
- Lưu mẫu dữ liệu truy xuất theo nhu cầu cá nhân và được tùy ý chỉnh sửa.

2.8.1. Tổng hợp doanh nghiệp

Thao tác sử dụng: Vào menu **Truy xuất dữ liệu >> Tổng hợp doanh nghiệp**

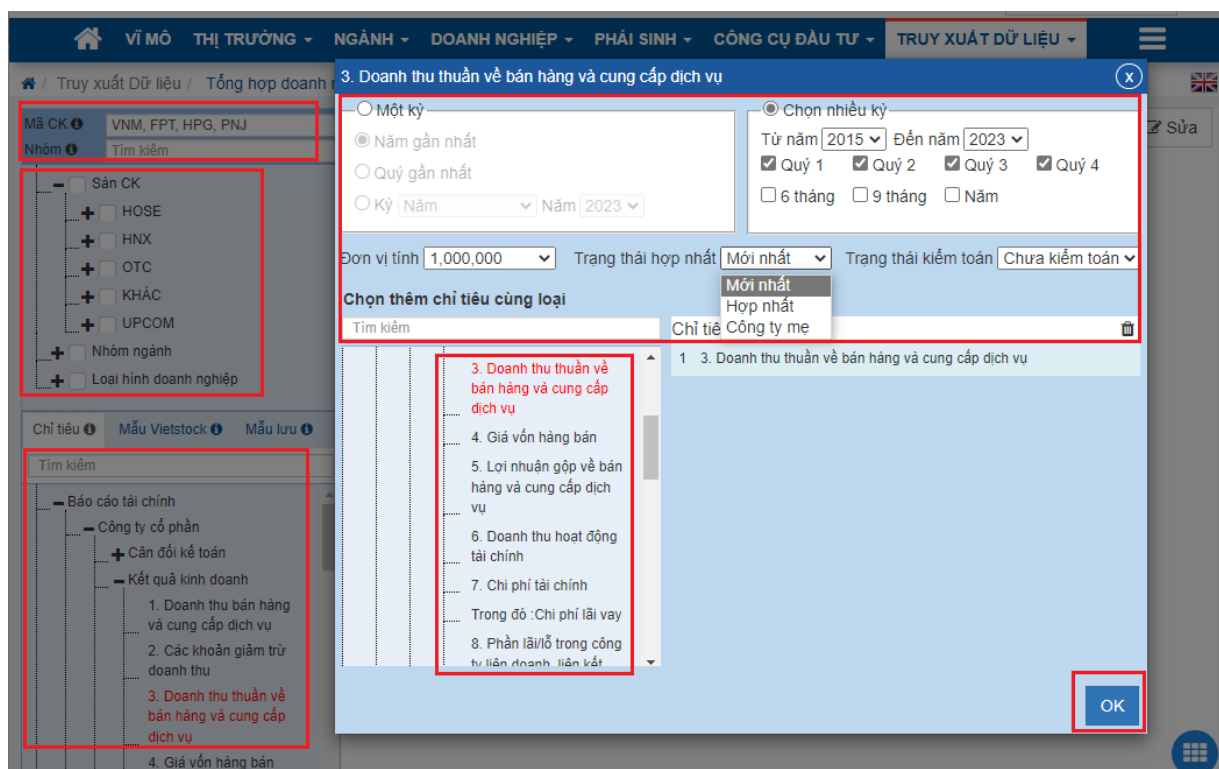
Để truy xuất dữ liệu Tổng hợp doanh nghiệp, bạn thực hiện các bước sau:

- **Bước 1: Chọn mã**
 - ❖ Cách 1: Tại ô Mã CK, nhập chuỗi các mã, cách nhau dấu phẩy (,). Ví dụ: VNM, FPT, HPG, PNJ
 - ❖ Cách 2: Chọn mã theo nhóm Sàn CK, Nhóm ngành, Loại hình doanh nghiệp
- **Bước 2: Chọn chỉ tiêu**
 - ❖ Cách 1: Nhập vào ô **Tìm kiếm** chỉ tiêu mà bạn muốn tìm và bấm chọn

❖ Cách 2: Bấm dấu + để mở rộng xem chi tiết các nhóm chỉ tiêu và chọn

Khi box thuộc tính hiện ra, bạn có thể chọn thêm nhiều chỉ tiêu cùng loại, đồng thời có thể thay đổi kỳ dữ liệu, đơn vị tính, trạng thái hợp nhất, kiểm toán theo nhu cầu và bấm OK để lấy dữ liệu hiển thị trên màn hình.

Trường hợp bạn cần thay đổi chỉ tiêu, thay đổi thứ tự cột dữ liệu thì click vào **Sửa**.

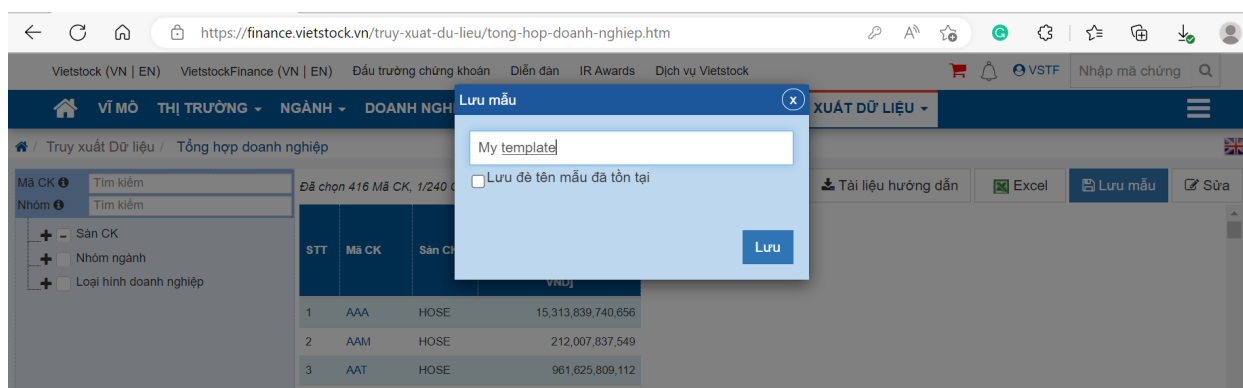


● **Bước 3: Xuất Excel**

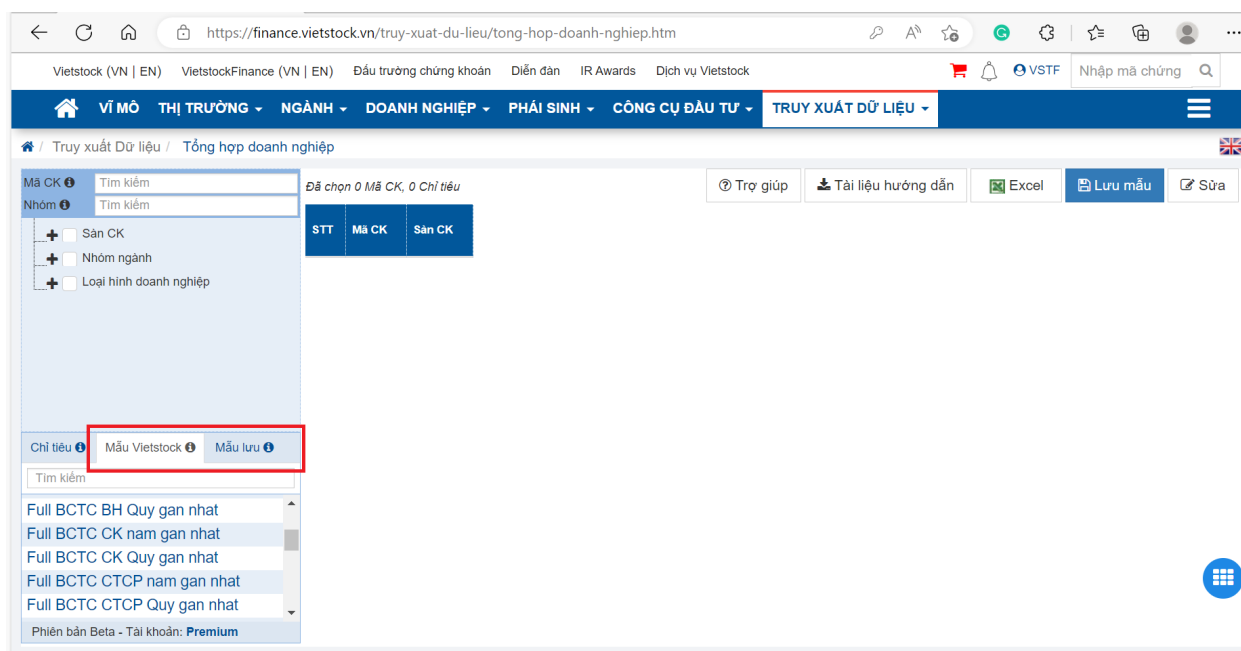
● **Bước 4: Lưu mẫu**

Lưu mẫu giúp bạn lưu lại danh sách chỉ tiêu, danh sách mã để truy xuất cho lần sau.

Để lưu mẫu bấm **Lưu Mẫu >> Nhập tên >> Lưu**



Trường hợp dùng mẫu truy xuất Vietstock hoặc bạn đã lưu mẫu, bấm Chọn **Mẫu Vietstock** hoặc **Mẫu lưu** >> Chọn mẫu phù hợp >> Xác nhận **OK**. Sau đó bấm **Excel** để xuất dữ liệu lưu về máy cá nhân.



2.8.2. Báo cáo tài chính

Tính năng này hỗ trợ truy xuất chuyên sâu về báo cáo tài chính, chỉ số tài chính của nhiều mã, nhiều kỳ. Trong đó, mỗi mã, mỗi kỳ hiển thị là một cột.

Thực hiện các bước sau để truy xuất có thể truy xuất dữ liệu:

- Bước 1: Chọn **Báo cáo tài chính** hoặc **Chỉ số tài chính**
- Bước 2: **Nhập mã CK**: nhập 1 hoặc nhiều mã cách nhau dấu phẩy (,)
- Bước 3: Tùy chọn các thuộc tính >> Bấm **Xem**
 - ❖ Với Báo cáo tài chính, các thuộc tính tùy chọn: Kỳ dữ liệu | Đơn vị tính | Trạng thái hợp nhất | Trạng thái kiểm toán | Loại báo cáo
 - ❖ Với Chỉ số tài chính, các thuộc tính tùy chọn: Kỳ dữ liệu | Nhóm chỉ tiêu
- Bước 4: Bấm **Excel** để xuất dữ liệu

Mã CK

VNM,VIC

Báo cáo tài chính

Chỉ số tài chính

☐ Một kỳ

☒ Chọn nhiều kỳ

Từ năm

2021

 Đến năm

2023

☐ Quý 1

☐ Quý 2

☐ Quý 3

☐ Quý 4

☐ 6 tháng

☐ 9 tháng

☒ Năm

☐ Tất cả các kỳ

Đơn vị tính

1,000,000

đồng

Trạng thái hợp nhất

Hợp nhất

Trạng thái kiểm toán

Kiểm toán

Báo cáo

☐ Cân đối kế toán

☒ Kết quả kinh doanh

☐ Lưu chuyển tiền tệ

Truy xuất dữ liệu

Báo cáo tài chính

Tổng hợp doanh nghiệp

Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính ngành

Vic

Excel

Đang chọn các Mã CK thuộc loại hình báo cáo: CTCP Thường

Mã CK	VNM	VNM	VNM	VIC	
Kỳ/năm	Năm/2021	Năm/2022	Năm/2022	Năm/2022	
Trạng thái hợp nhất	Hợp nhất	Hợp nhất	Hợp nhất	Hợp nhất	
Trạng thái kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán	
Công ty kiểm toán	KPMG	KPMG	EY	EY	
Ý kiến kiểm toán	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	
Ngày công bố báo cáo	28-02-2022	28-02-2023	01-04-2022	31-03-2023	
Ngày ký kiểm toán	28-02-2022	28-02-2023	31-03-2022	31-03-2023	
KẾT QUẢ KINH DOANH		MS			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	61,012,074	60,074,730	125,780,761	101,809,529
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	92,909	118,483	92,891	15,947
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	60,919,165	59,956,247	125,687,870	101,793,582
4. Giá vốn hàng bán	11	34,640,863	36,059,016	91,623,165	87,099,750
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	26,278,301	23,897,232	34,064,705	14,693,832

2.8.3. Báo cáo tài chính ngành

VÍ MÔ THỊ TRƯỜNG NGÀNH DOANH NGHIỆP PHÁI SINH CÔNG CỤ ĐẦU TƯ

[Truy xuất Dữ liệu / Báo cáo tài chính ngành](#)

Ngành

Báo cáo tài chính | Chỉ số tài chính

- Nhóm ngành
 - Sản xuất nông nghiệp
 - Khai khoáng
 - Tiền ích
 - Xây dựng và Bất động sản
 - Bất động sản**
 - Nhà thầu chuyên môn

Đơn vị tính: đồng

☐ Một kỳ
☒ Chọn nhiều kỳ

Từ năm Đến năm

☐ Quý 1 ☐ Quý 2 ☐ Quý 3 ☐ Quý 4
☐ 6 tháng ☐ 9 tháng ☒ Năm

☐ Tất cả các kỳ

Báo cáo

☐ Cân đối kế toán
☒ Kết quả kinh doanh
☐ Lưu chuyển tiền tệ

Ngành chọn : Bất động sản (L2) Mã CK trong ngành: FDC, SJS, ITA, TDH, SI

Ngành	Bất động sản	Bất động sản			
Kỳ/năm	Năm/2018	Năm/2019			
KẾT QUẢ KINH DOANH					
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37,304,387	43,509,661	35,508,928	39,907,493	35,389,217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2,738,800	1,112,963	396,019	515,367	2,934,416
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34,565,587	42,396,697	35,112,909	39,392,125	32,454,801
4. Giá vốn hàng bán	20,236,396	25,735,388	20,733,100	23,222,894	19,127,233
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14,329,191	16,661,309	14,379,809	16,169,232	13,327,568
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1,833,232	2,392,051	1,364,977	2,070,969	2,574,917
7. Chi phí tài chính	1,768,994	1,721,801	1,663,113	3,052,225	3,143,591
Trong đó : Chi phí lãi vay	1,565,178	1,566,722	1,689,926	2,480,083	2,758,076
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	1,245,764	1,343,428	1,265,414	1,043,359	3,381,740
9. Chi phí bán hàng	1,868,207	2,241,180	2,134,735	2,209,852	2,499,497
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,240,677	2,846,195	3,168,791	3,270,304	3,830,153
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11,530,308	13,587,613	10,043,561	10,751,180	9,810,983
12. Thu nhập khác	700,727	380,551	503,939	353,592	695,685

Báo cáo tài chính ngành hỗ trợ truy xuất dữ liệu báo cáo tài chính, chỉ số tài chính theo từng nhóm ngành (Vietstock sử dụng hệ thống phân ngành theo chuẩn NAICS 2007).

- Bước 1: Chọn ngành (Tính năng này còn hỗ trợ danh sách các mã trong ngành và có thể sao chép MCK để xuất dữ liệu chi tiết các mã trong ngành).
- Bước 2: Tùy chọn thời gian.

- Bước 3: Tùy chọn Loại báo cáo Cân đối kế toán | Kết quả kinh doanh | Lưu chuyển tiền tệ.
- Bước 4: Bấm Xem và xuất Excel.

2.9. Tin mới

2.9.1. Tin tức

Tin tức cung cấp các thông tin cập nhật mới nhất, các chủ đề nóng lựa chọn theo sàn và theo mã chứng khoán.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Tin mới**>> [Tin tức](#)

Trang chủ > Điểm tin

Mới cập nhật
 -- Chủ đề nóng --
 -- Tin theo sàn --

MỚI CẬP NHẬT

12/03/2024 lúc 13:17:26	NHNN hút bớt tiền về, chính sách tiền tệ có đảo chiều?	Đọc nhanh
12/03/2024 lúc 13:12:00	Định danh nhà đất theo người sử dụng: Hiểu thế nào cho đúng?	Đọc nhanh

ĐỌC NHIỀU NHẤT

1	NHNN hút gần 15 ngàn tỷ đồng qua kênh tín phiếu sau hơn 4 tháng tạm dừng	11/03 16:15
2	Nhịp đập Thị trường 11/03: Giám sát trong phiên chiều	

2.9.2. Công bố thông tin

Công bố thông tin doanh nghiệp niêm yết trên HOSE, HNX, đăng ký giao dịch trên UPCOM, hợp đồng tương lai, chứng quyền và trái phiếu doanh nghiệp.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Tin mới**>> [Công bố thông tin](#)

Trang chủ > Điểm tin

-- Xem tin nhanh --
 -- Chủ đề nóng --
 Tất cả

TẤT CẢ

15/03/2024 lúc 18:36:00	HVX: Quyết định về việc đưa cổ phiếu vào diện cảnh báo	Đọc nhanh
15/03/2024 lúc 18:04:00	PJT: Thông báo ngày ĐKCC để thực hiện quyền tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2024	Đọc nhanh
15/03/2024 lúc 17:35:00	SSI: Thông báo sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập CN Hà Nội	Đọc nhanh
15/03/2024 lúc 17:18:00	SRF: Thông báo giao dịch cổ phiếu của người có liên quan đến người nội bộ Trần Mỹ Kim	Đọc nhanh

ĐỌC NHIỀU NHẤT

1	Nhịp đập Thị trường 15/03: Lực cầu bắt đáy xuất hiện, VN-Index hồi về cuối phiên	15/03 15:42
2	Giá USD ngân hàng lập đỉnh mới, USD tự do tăng mạnh	15/03 16:34
3	Từ vụ thê tin dụng 8.5 triệu bị đòi nợ 8.8 tỷ, người dùng cần lưu ý gì?	15/03 14:02
4	[Infographics] Toàn cảnh kết quả kinh	

3. Phương pháp luận

3.1. Hệ thống phân ngành

Quan điểm phân ngành: Vietstock lựa chọn tiêu chuẩn NAICS 2007 (The North American Industry Classification System) để áp dụng cho việc phân ngành vì tính phổ biến, bao quát cao, được sự hỗ trợ của nhiều tổ chức quốc tế, có nhiều điểm tương đồng với hệ thống phân ngành VSIC 2007 của Việt Nam, và có trật tự logic cao trong việc sắp xếp thứ tự ngành.

Xem chi tiết về quan điểm phân ngành của Vietstock [tại đây](#).

3.2. Chỉ số chứng khoán

Phương pháp luận chỉ số xây dựng các chỉ số chứng khoán của Vietstock: Phương pháp giá trị vốn hóa thị trường có điều chỉnh tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng được áp dụng cho Vietstock Index (VS Sector Index, VS Market Cap Index và VS 100 Index).

Xem chi tiết về phương pháp luận chỉ số chứng khoán của Vietstock [tại đây](#).

3.3. Chỉ số tài chính

Vietstock cung cấp chỉ số tài chính tính toán theo kỳ Ngày/Quý/Năm, phân chia theo từng loại hình Công ty cổ phần thường, Công ty chứng khoán, Ngân hàng, Bảo hiểm.

3.3.1. Chỉ số tài chính kỳ ngày

Chỉ số tài chính kỳ ngày được tính toán và cập nhật theo dữ liệu BCTC kỳ gần nhất và dữ liệu giao dịch ngày gần nhất T-1 (trừ Vốn hóa thị trường tính tại ngày T)

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
VHTT	Triệu đồng	Giá đóng cửa*KLCPLH
EPS trailing	VNĐ	LNST cổ đông công ty mẹ 4 quý gần nhất/KLCPLHBQ <i>KLCPLHBQ là bình quân KLCPLH tất cả các ngày trong kỳ</i>
BVPS	VNĐ	(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát)/KLCPLH
P/E	Lần	Giá đóng cửa/EPS trailing
F P/E	Lần	Giá đóng cửa*KLCPLH/Lợi nhuận kế hoạch

P/B	Lần	Giá đóng cửa*KLCPLH/(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát) <i>Áp dụng nếu lợi ích cổ đông không kiểm soát được gộp vào VCSH</i>
P/S	Lần	Giá đóng cửa*KLCPLH/DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Cổ tức tiền mặt	đồng	Tổng cổ tức tiền mặt đã thực hiện trong 1 năm gần nhất
Dividend Yield	%	Tổng cổ tức tiền mặt đã thực hiện trong 1 năm gần nhất/Giá đóng cửa <i>Ngày tính cổ tức theo ngày GDKHQ</i>
Beta	Lần	So sánh mức độ biến động giá của cổ phiếu so với mức độ biến động chung của toàn thị trường trong 100 phiên gần nhất. $\text{Beta} = \text{Covar}(R_i, R_m) / \text{Var}(R_m)$ <i>Trong đó:</i> R_i: Tỷ suất sinh lời của chứng khoán R_m: Tỷ suất sinh lời của thị trường (VN-Index/HNXIndex) $\text{Var}(R_m)$: Phương sai của tỷ suất sinh lời của thị trường $\text{Covar}(R_i, R_m)$: Hiệp phương sai của tỷ suất sinh lời của chứng khoán và tỷ suất sinh lời của thị trường <i>Tỷ suất sinh lời tính theo kỳ tuần: $R = (p1 - p0) / p0$</i> <i>Trong đó:</i> $p1$: Giá đóng cửa của cổ phiếu/Index ngày cuối tuần T $p0$: Giá đóng cửa của cổ phiếu/Index ngày cuối tuần T-1

BQ là bình quân đầu kỳ và cuối kỳ.

3.3.2. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (CTCP thường và CTCK)

Nhóm chỉ số tăng trưởng

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Tăng trưởng DTT	%	$(\text{Doanh thu thuần} / \text{Doanh thu thuần kỳ trước} - 1) * 100$
Tăng trưởng lợi nhuận gộp	%	$(\text{Lợi nhuận gộp} / \text{Lợi nhuận gộp kỳ trước} - 1) * 100$
Tăng trưởng LNTT	%	$(\text{Lợi nhuận trước thuế} / \text{Lợi nhuận trước thuế kỳ trước} - 1) * 100$

		-1)*100
Tăng trưởng LNST CĐ công ty mẹ	%	(LNST CĐ công ty mẹ/LNST CĐ công ty mẹ kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng tổng tài sản	%	(Tổng tài sản/Tổng tài sản kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng nợ dài hạn	%	(Nợ dài hạn/Nợ dài hạn kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng nợ phải trả	%	(Nợ phải trả/Nợ phải trả kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng VCSH	%	(VCSH/VCSH kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng vốn điều lệ	%	(Vốn điều lệ/Vốn điều lệ kỳ trước - 1)*100

Nhóm chỉ số Sinh lợi

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Tỷ suất LN gộp biên	%	$100 \times \text{Lợi nhuận gộp} / \text{Doanh thu thuần}$
Tỷ lệ lãi EBIT**	%	$100 \times \text{EBIT} / \text{Doanh thu thuần}$ <i>Với EBIT = LNTT + Chi phí lãi vay</i>
Tỷ lệ lãi EBITDA**	%	$100 \times \text{EBITDA} / \text{Doanh thu thuần}$ <i>Với EBITDA = LNTT + Chi phí lãi vay + Khấu hao</i> <i>Trong đó:</i> + Khấu hao TSCĐ lấy từ LCTT gián tiếp + Nếu không có LCTT gián tiếp thì Khấu hao = Hao mòn (TSCĐHH + Tài chính + Vô hình) cuối kỳ - Hao mòn (TSCĐHH + Tài chính + Vô hình) đầu kỳ
ROS	%	$100 \times \text{LNST} / \text{Doanh thu thuần}$
ROEA	%	$100 \times \text{LNST cổ đông CTM/BQ(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát)}$ + BQ(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát) là bình quân (VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát) đầu kỳ và cuối kỳ

		+ Áp dụng nếu lợi ích cổ đông không kiểm soát được gộp vào VCSH
Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
ROCE**	%	$100 \times \text{EBIT} / (\text{Tổng tài sản BQ} - \text{Nợ ngắn hạn BQ})$
ROAA	%	$100 \times \text{LNST CTM} / \text{Tổng tài sản BQ}$

Nhóm chỉ số Thanh khoản

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Khả năng TT bằng tiền mặt	Lần	Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn
Khả năng TT nhanh**	Lần	$(\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}) / \text{Nợ ngắn hạn}$ <i>Hàng tồn kho: đã trừ dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>
Khả năng TT nhanh (Đã loại trừ HTK)	Lần	$(\text{Tiền và các khoản tương đương tiền} + \text{Đầu tư tài chính ngắn hạn}) / \text{Nợ ngắn hạn}$
Khả năng TT ngắn hạn	Lần	$\text{Tài sản ngắn hạn} / \text{Nợ ngắn hạn}$
Khả năng TT lãi vay**	Lần	$(\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} + \text{Chi phí lãi vay}) / \text{Chi phí lãi vay}$

Nhóm chỉ số Hiệu quả hoạt động

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Vòng quay phải thu KH	Vòng	$\text{Doanh thu thuần} / \text{Phải thu ngắn hạn của khách hàng BQ}$
Số ngày thu tiền KH BQ	Ngày	$365 \times \text{Phải thu ngắn hạn của khách hàng BQ} / \text{DTT}$
Vòng quay HTK**	Vòng	$\text{Giá vốn hàng bán} / \text{Hàng tồn kho BQ}$
Số ngày tồn kho BQ**	Ngày	$365 \times \text{Hàng tồn kho BQ} / \text{Giá vốn hàng bán}$
Vòng quay phải trả nhà cung cấp**	Vòng	$\text{Giá vốn hàng bán} / \text{Phải trả người bán ngắn hạn BQ}$
Số ngày trả tiền khách hàng BQ**	Ngày	$365 \times \text{Phải trả người bán ngắn hạn BQ} / \text{Giá vốn hàng bán}$
Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Vòng	$\text{Doanh thu thuần} / \text{Tài sản cố định BQ}$

Hiệu suất sử dụng toàn bộ TS	Vòng	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản BQ
Vòng quay VCSH	Vòng	Doanh thu thuần/VCSH BQ

Nhóm chỉ số Đòn bẩy tài chính

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Nợ ngắn hạn/ Tổng nợ phải trả	%	$100 \times \text{Nợ ngắn hạn} / \text{Tổng nợ phải trả}$
Nợ vay/Tổng tài sản	%	$(\text{Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn} + \text{Vay và nợ thuê tài chính dài hạn}) / \text{Tổng tài sản}$
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	$\text{Nợ phải trả} / \text{Tổng tài sản}$
VCSH/Tổng tài sản	%	$\text{VCSH} / \text{Tổng tài sản}$
Nợ ngắn hạn/ VCSH	%	$\text{Nợ ngắn hạn} / \text{VCSH}$
Nợ vay/VCSH	%	$(\text{Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn} + \text{Vay và nợ thuê tài chính dài hạn}) / \text{VCSH}$
Nợ phải trả/VCSH	%	$\text{Nợ phải trả} / \text{VCSH}$

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
TSNH/Tổng tài sản	%	$\text{Tài sản ngắn hạn} / \text{Tổng tài sản}$
Tiền/TSNH	%	$\text{Tiền và các khoản tương đương tiền} / \text{Tài sản ngắn hạn}$
Đầu tư TC ngắn hạn/TSNH	%	$\text{Đầu tư tài chính ngắn hạn} / \text{Tài sản ngắn hạn}$
Phải thu ngắn hạn/TSNH	%	$\text{Phải thu ngắn hạn} / \text{Tài sản ngắn hạn}$
HTK/TSNH	%	$\text{Hàng tồn kho} / \text{Tài sản ngắn hạn}$
TSNH khác/TSNH	%	$\text{Tài sản ngắn hạn khác} / \text{Tài sản ngắn hạn}$
TSDN/Tổng tài sản	%	$\text{Tài sản dài hạn} / \text{Tổng tài sản}$
TSCĐ/Tổng tài sản	%	$\text{TSCĐ} / \text{Tổng tài sản}$
TSCĐ hữu hình/TSCĐ	%	$\text{TSCĐ hữu hình} / \text{TSCĐ}$
TSCĐ thuê tài chính/TSCĐ	%	$\text{TSCĐ thuê tài chính} / \text{TSCĐ}$
TSVH/TSCĐ	%	$\text{TSVH} / \text{TSCĐ}$

XDCBDD/TSCĐ**	%	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang/TSCĐ
---------------	---	--------------------------------------

Cơ cấu Chi phí

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
GVHB/DTT**	%	Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần
CP BH/DTT**	%	Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần
CP QLDN/DTT**	%	Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần
Lãi vay/DTT**	%	Chi phí lãi vay/Doanh thu thuần

Nhóm chỉ số Định giá

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
EPS 4 quý gần nhất	VNĐ	LNST CĐ Công ty mẹ/KLCPLH BQ + LNST CĐ Công ty mẹ là tổng LNST CĐ Công ty mẹ 4 quý gần nhất (kỳ Quý) hoặc năm gần nhất (kỳ Năm) + KLCPLH BQ là bình quân KLCPLH tất cả các ngày trong kỳ
BVPS cơ bản	VNĐ	(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát)/KLCPLH + KLCPLH lấy tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu + Nếu không có dữ liệu KLCPLH thì lấy Vốn góp của chủ sở hữu/10,000
P/E cơ bản	Lần	Giá đóng cửa/EPS 4 quý gần nhất Giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu
P/B cơ bản	Lần	KLCPLH*Giá đóng cửa/(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát) + Giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu
P/S	Lần	Vốn hóa thị trường/DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ VHTT ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu (KLCPLH*Giá đóng cửa)
Dividend Yield	%	Tổng cổ tức tiền mặt trên mỗi cổ phần/Giá đóng cửa + Tổng cổ tức tiền mặt trên mỗi cổ phần đã thực hiện trong 1 năm gần nhất (theo ngày GDKHQ)

		+ <i>Giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu</i>
Beta		So sánh mức độ biến động giá của cổ phiếu đó so với mức độ biến động chung của toàn thị trường trong 100 tuần. $Beta = Covar(R_i, R_m) / Var(R_m)$ Trong đó: • R_i : Tỷ suất sinh lời của chứng khoán • R_m: Tỷ suất sinh lời của thị trường (VN-Index/HNXIndex) • $Var(R_m)$: Phương sai của tỷ suất sinh lời của thị trường • $Covar(R_i, R_m)$: Hiệp phương sai của tỷ suất sinh lời của chứng khoán và tỷ suất sinh lời của thị trường Tỷ suất sinh lời tính theo kỳ tuần: $R = (p_1 - p_0) / p_0$ Trong đó: • p_1 : Giá đóng cửa của cổ phiếu/Index tại ngày Thứ 6 của tuần T • p_0 : Giá đóng cửa của cổ phiếu/Index tại ngày Thứ 6 của tuần T-1
EPS điều chỉnh 4 quý gần nhất	VNĐ	LNST CĐ Công ty mẹ/KLCPLHĐC BQ + <i>LNST CĐ Công ty mẹ là tổng LNST CĐ Công ty mẹ 4 quý gần nhất (kỳ Quý) hoặc năm gần nhất (kỳ Năm)</i> + <i>KLCPLHĐC BQ là bình quân KLCPLHĐC tất cả các ngày trong kỳ</i>
BVPS điều chỉnh	VNĐ	(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát)/KLCPLHĐC + <i>KLCPLHĐC tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu</i>
P/E điều chỉnh	Lần	Giá đóng cửa/EPS điều chỉnh 4 quý gần nhất <i>Giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu</i>
P/B điều chỉnh	Lần	$KLCPLHĐC * \text{Giá đóng cửa} / (\text{VCSH} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát})$ + <i>KLCPLHĐC và Giá đóng cửa ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu</i>
EV/EBIT	Lần	+ $EV = VHTT + \text{Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn} + \text{Vay và nợ thuê tài chính dài hạn} + \text{Giá trị cổ phiếu ưu đãi} + \text{Lợi ích cổ đông thiểu số} - \text{Tiền và tương đương tiền}$ + <i>Giá trị cổ phiếu ưu đãi tại VN thường không công bố nên</i>

		<i>không tính</i>
EV/EBITDA	Lần	EV/EBITDA

Nhóm chỉ số Dòng tiền

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Dòng tiền từ HĐKD trên Tổng tài sản	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Tổng tài sản
Dòng tiền từ HĐKD trên Vốn chủ sở hữu	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/VCSH
Dòng tiền từ HĐKD trên Lợi nhuận thuần từ HĐKD	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Lợi nhuận thuần từ HĐKD
Khả năng thanh toán nợ	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Nợ phải trả
Cash flow per share (CPS)	VNĐ	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/KLCPLH
Cash flow to revenue	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần
Khả năng chi trả Nợ ngắn hạn từ dòng tiền HĐKD	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Nợ ngắn hạn
Khả năng chi trả Nợ ngắn hạn từ lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	%	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/Nợ ngắn hạn

Nhóm chỉ số chung

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
EBIT**	Triệu đồng	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế + Chi phí lãi vay
EBITDA**	Triệu đồng	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế + Chi phí lãi vay + Khấu hao
Giá trị doanh nghiệp (EV)	Triệu đồng	VHTT + Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn + Vay và nợ thuê tài chính dài hạn + Giá trị cổ phiếu ưu đãi + Lợi ích cổ đông thiểu số - Tiền và tương đương tiền <i>Giá trị cổ phiếu ưu đãi tại VN thường không công bố nên</i>

		<i>không tính</i>
KLCP niêm yết	Cổ phiếu	Khối lượng cổ phiếu niêm yết theo dữ liệu từ Sở GDCK
KLCPĐLH	Cổ phiếu	Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành theo dữ liệu từ Sở GDCK
KLCPĐLH điều chỉnh	Cổ phiếu	KLCPĐLH điều chỉnh = KLCPLH + khối lượng sẽ phát hành thêm cổ phiếu thưởng, cổ phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi hay ESOP
VHTT	Triệu đồng	Vốn hóa thị trường = Giá đóng cửa*KLCPLH

BQ là bình quân đầu kỳ và cuối kỳ.

**:: Các CSTC không tính toán cho nhóm các CTCK

3.3.3. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (Bảo hiểm)

Nhóm chỉ số Tăng trưởng, Nhóm chỉ số Thanh khoản, Nhóm chỉ số Đòn bẩy tài chính, Cơ cấu Tài sản ngắn hạn, Cơ cấu Tài sản dài hạn, Cơ cấu Chi phí, Nhóm chỉ số Định giá, Nhóm chỉ số Dòng tiền và Nhóm chỉ số chung giống CTCP thường

Nhóm chỉ số Sinh lợi

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Tỷ suất LN gộp biên	%	$100 \times \text{Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm} / \text{Doanh thu thuần HĐKD BH}$
ROS	%	$100 \times \text{LNST thu nhập doanh nghiệp} / \text{Doanh thu thuần HĐKD BH}$
ROEA	%	$100 \times \text{LNST cổ đông CTM} / (\text{VCSH} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}) \times \text{BQ}$
ROCE	%	$100 \times \text{EBIT} / (\text{Tổng tài sản BQ} - \text{Nợ ngắn hạn BQ})$

Nhóm chỉ số Hiệu quả hoạt động

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Vòng quay phải thu KH	Vòng	$\text{Doanh thu thuần HĐKD BH} / \text{Phải thu ngắn hạn của khách hàng BQ}$
Số ngày thu tiền KH	Ngày	$365 \times \text{Phải thu ngắn hạn của khách hàng BQ} / \text{DTT HĐKD}$

BQ		BH
Vòng quay phải trả nhà cung cấp	Vòng	(Chi bồi thường bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm + Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp)/Phải trả người bán ngắn hạn BQ
Số ngày trả tiền khách hàng BQ	Ngày	365*Phải trả người bán ngắn hạn BQ/(Chi bồi thường bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm + Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp)
Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Vòng	Doanh thu thuần HĐKD BH/Tài sản cố định BQ
Hiệu suất sử dụng TS	Vòng	Doanh thu thuần HĐKD BH/Tổng tài sản BQ
Vòng quay VCSH	Vòng	Doanh thu thuần HĐKD BH/VCSH BQ

3.3.4. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (Ngân hàng)

Nhóm chỉ số Định giá và Nhóm chỉ số chung: Giống nhóm chỉ số tính toán cho CTCP thường.

Nhóm chỉ số Tăng trưởng

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Tăng trưởng LNTT	%	$(\text{Lợi nhuận trước thuế}/\text{Lợi nhuận trước thuế kỳ trước} - 1) \times 100$
Tăng trưởng LNST CĐ CTM	%	$(\text{LNST CĐ CTM}/\text{LNST CĐ CTM kỳ trước} - 1) \times 100$
Tăng trưởng tổng tài sản	%	$(\text{Tổng tài sản}/\text{Tổng tài sản kỳ trước} - 1) \times 100$
Tăng trưởng VCSH	%	$(\text{Vốn và các quỹ}/\text{Vốn và các quỹ kỳ trước} - 1) \times 100$
Tăng trưởng vốn điều lệ	%	$(\text{Vốn điều lệ}/\text{Vốn điều lệ kỳ trước} - 1) \times 100$
Tăng trưởng dư nợ cho vay	%	$(\text{Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng}/\text{Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng kỳ trước} - 1) \times 100$
Tăng trưởng huy động vốn khách hàng	%	$(\text{Tiền gửi của khách hàng}/\text{Tiền gửi của khách hàng kỳ trước} - 1) \times 100$
Tăng trưởng thu nhập lãi	%	$(\text{Thu nhập lãi thuần}/\text{Thu nhập lãi thuần kỳ trước} - 1) \times 100$

thuần		1)*100
Tăng trưởng dự phòng rủi ro tín dụng	%	(Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng thu phí dịch vụ thuần	%	(Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ/ Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng tổng thu nhập HĐKD trước dự phòng	%	(Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng tổng chi phí HĐKD	%	(Chi phí hoạt động/Chi phí hoạt động kỳ trước - 1)*100

Nhóm chỉ số Sinh lợi

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
YOEА	%	100*Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự/(Tiền gửi tại NHNN + Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác + Cho vay khách hàng + Chứng khoán đầu tư)BQ
COF	%	100*Chi phí lãi và các chi phí tương tự/(Các khoản nợ Chính phủ và NHNN + Tiền gửi và vay các TCTD khác + Tiền gửi của khách hàng + Phát hành giấy tờ có giá)BQ
NIM	%	100*Thu nhập lãi thuần/(Tiền gửi tại NHNN + Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác + Cho vay khách hàng + Chứng khoán đầu tư)BQ
Tỷ lệ chi phí hoạt động/Tổng thu nhập HĐKD trước dự phòng	%	100*Chi phí hoạt động/(Chi phí hoạt động + Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng)
ROEA	%	100*Lợi nhuận sau thuế CĐ CTM/(Vốn và các quỹ - Lợi ích cổ đông không kiểm soát)BQ
ROAA	%	100*Lợi nhuận sau thuế CĐ CTM/Tổng tài sản BQ

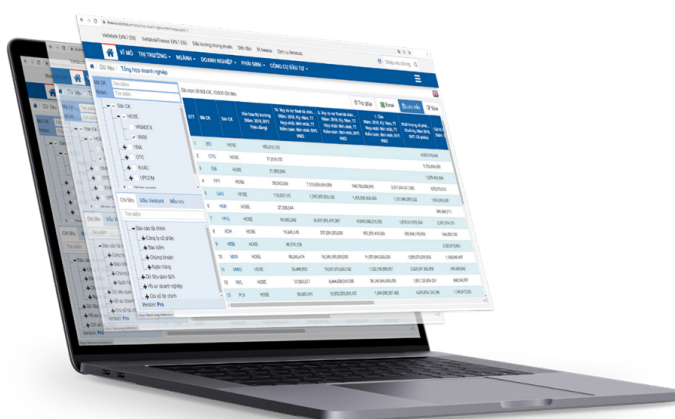
Nhóm chỉ số Thanh khoản

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Dư nợ cho vay khách hàng/Vốn huy động (LDR)	%	Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng/Các khoản nợ Chính phủ và NHNN + Tiền gửi và vay các TCTD khác + Tiền gửi của khách hàng + Phát hành giấy tờ có giá
Dư nợ cho vay/Tổng tài sản Có	%	100*Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng/Tổng Tài sản
VCSH/Tổng vốn huy động	%	100*Vốn và các quỹ/(Các khoản nợ Chính phủ và NHNN + Tiền gửi và vay các TCTD khác + Tiền gửi của khách hàng + Phát hành giấy tờ có giá)
VCSH/Tổng tài sản Có	%	100*Vốn và các quỹ/Tổng tài sản

Nhóm chỉ số Chất lượng tài sản

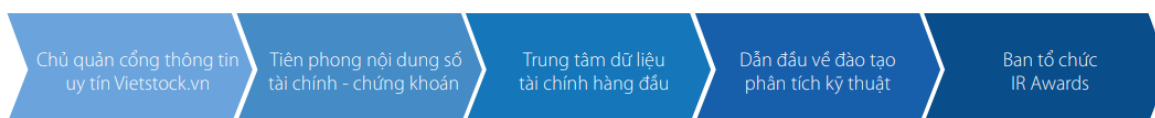
Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Dự phòng rủi ro tín dụng/Tổng dư nợ	%	Dự phòng rủi ro cho vay và cho thuê tài chính khách hàng/Cho vay và thuê tài chính khách hàng
Tài sản Có sinh lãi/Tổng tài sản Có	%	(Tiền gửi tại NHNN + Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác - Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác + Cho vay khách hàng - Dự phòng rủi ro cho vay và cho thuê tài chính khách hàng + Chứng khoán đầu tư - Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư)/Tổng tài sản

BQ là bình quân đầu kỳ và cuối kỳ.



4. Về Vietstock

Vietstock là tổ chức truyền thông tài chính và cung cấp nội dung số về tài chính - chứng khoán



4.1. Giới thiệu về Vietstock

Ngay từ những phiên giao dịch đầu tiên của thị trường chứng khoán Việt Nam, đội ngũ những nhà sáng lập Vietstock đã ấp ủ ước mơ xây dựng một cổng thông tin toàn diện và chuyên nghiệp về tài chính - chứng khoán, giúp nhà đầu tư có được cái nhìn thấu đáo về thị trường và từ đó tự tin trong các quyết định đầu tư của mình.

Sau quá trình nghiên cứu phát triển, xây dựng và chạy thử nghiệm, Cổng thông tin Vietstock.vn chính thức ra đời vào ngày 02/08/2002 và nhanh chóng nhận được sự ủng hộ lớn từ cộng đồng nhà đầu tư.

Vietstock tự hào và luôn nỗ lực cải tiến không ngừng để mang đến cho nhà đầu tư nguồn thông tin tham khảo có giá trị cao với hai phiên bản Tiếng Việt và Tiếng Anh.

Tầm nhìn: **Cổng thông tin tài chính trực tuyến SỐ 1 tại Việt Nam và về Việt Nam.**

- **Vietstock (<https://vietstock.vn/>):** Không chỉ tin tức và sự kiện nóng về kinh tế và tài chính - đầu tư; Vietstock cập nhật thông tin tất cả doanh nghiệp niêm yết; các kênh đầu tư từ cổ phiếu, trái phiếu, phái sinh, hàng hóa, bất động sản và các kênh đầu tư tài chính khác; cung cấp các báo cáo phân tích chuyên sâu về đầu tư chứng khoán hàng ngày.
- **VietstockFinance (<https://finance.vietstock.vn/>):** Hệ thống công cụ đầu tư chứng khoán, cơ sở dữ liệu vĩ mô - tài chính - chứng khoán được phát triển theo phương châm “toàn diện nền kinh tế - mọi góc độ doanh nghiệp”. Không chỉ cung cấp cho nhà đầu tư bức tranh lớn mà còn phục vụ sát sườn cho từng nhu cầu riêng biệt của mỗi cá nhân.
- **Đấu trường chứng khoán (<https://dautruong.vietstock.vn/>):** Đấu trường Vietstock là sân chơi chứng khoán ảo được mô phỏng theo thị trường thật, sử

dụng dữ liệu giá cổ phiếu thật và realtime. Hãy tham gia các cuộc đua chứng khoán ảo tại Đấu trường Vietstock để tập dợt trước khi bước vào thị trường thật đầy khốc liệt hay thử nghiệm các phương pháp đầu tư mới.

4.2. Hoạt động kinh doanh chính

TRUYỀN THÔNG – QUẢNG CÁO

Truyền thông, tiếp thị và quảng cáo thông qua các sản phẩm báo chí, social media, banner và các loại hình online khác. Truyền thông tài chính, tư vấn và triển khai hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) hướng đến tối đa hóa giá trị doanh nghiệp.

DỮ LIỆU TÀI CHÍNH

Dữ liệu vĩ mô, tài chính, chứng khoán theo tiêu chí chính xác, cập nhật và đầy đủ; phù hợp với nhu cầu dữ liệu lớn để tích hợp hệ thống, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi số, phát triển platform, công cụ phân tích đầu tư hoặc nhu cầu chuyên biệt của giới học giả.

ĐÀO TẠO CHỨNG KHOÁN

Vietstock có hơn 13 năm kinh nghiệm về đào tạo phân tích và đầu tư chứng khoán. Các khóa học trang bị cho nhà đầu tư kiến thức từ cơ bản đến nâng cao, chú trọng khả năng ứng dụng vào thực tiễn.

ẤN PHẨM TÀI CHÍNH

- Lịch Công bố thông tin trên TTCK
- Sách Phân tích kỹ thuật từ A đến Z
- Sách Vai trò của IR trong việc tối đa hóa giá trị doanh nghiệp

4.3. Sản phẩm dịch vụ

Dành cho App & Web	Dành cho người dùng cuối
DataFeed Dữ liệu tài chính tích hợp theo yêu cầu	VietstockFinance Dữ liệu tài chính và công cụ đầu tư chứng khoán trên nền web
InvestOnline Website phân tích và tra cứu chứng khoán thuế ngoài	VietstockUpdater Ứng dụng cung cấp dữ liệu cho các phần mềm PTKT
IROnline Website IR/quan hệ cổ đông thuế ngoài	VietstockXLS Dữ liệu tài chính xuất excel theo yêu cầu
WebBuilder Phát triển website theo yêu cầu	

